

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

Số: 4330 /QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bình Định, ngày 21 tháng 12 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt kết quả đánh giá hoạt động kiểm soát ô nhiễm môi trường
biển và hải đảo năm 2021 trên địa bàn tỉnh Bình Định**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;

Căn cứ Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo ngày 25/6/2015;

Căn cứ Thông tư số 27/2016/TT-BTNMT ngày 29/9/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết bộ chỉ số và việc đánh giá kết quả hoạt động kiểm soát ô nhiễm môi trường biển và hải đảo;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1093/TTr-STNMT ngày 16/12/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả đánh giá hoạt động kiểm soát ô nhiễm môi trường biển và hải đảo năm 2021 trên địa bàn tỉnh Bình Định.

Kết quả đánh giá được thể hiện trong Bảng tổng hợp đánh giá kết quả hoạt động kiểm soát ô nhiễm môi trường biển và hải đảo trên địa bàn tỉnh Bình Định và 03 Phụ lục kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Giao Văn phòng UBND tỉnh (Trung tâm Tin học - Công báo), Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm công bố công khai kết quả đánh giá trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh và Trang thông tin điện tử của Sở Tài nguyên và Môi trường.

Nội dung công bố là Bảng tổng hợp đánh giá kết quả hoạt động kiểm soát ô nhiễm môi trường biển và hải đảo trên địa bàn tỉnh Bình Định.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đơn vị liên quan; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố ven biển chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (báo cáo);
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh;
- Cảng vụ Hàng hải Quy Nhơn;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Trung tâm Tin học - Công báo;
- Lưu: VT, K4, K10, K13.



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Tuấn Thanh

**BẢNG TỔNG HỢP ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KIỂM SOÁT Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG
BIỂN VÀ HẢI ĐẢO NĂM 2021 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH ĐỊNH**

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định)

TT	Nội dung	Tổng điểm tối đa	Tổng điểm tự đánh giá	Chỉ số đánh giá kết quả thực hiện nội dung kiểm soát ô nhiễm môi trường biển và hải đảo	Xếp loại kết quả hoạt động kiểm soát ô nhiễm môi trường biển và hải đảo
1	Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành kiểm soát ô nhiễm môi trường biển và hải đảo	8	8	100%	Tốt
2	Rà soát, hệ thống hóa; theo dõi, kiểm tra tình hình thi hành văn bản quy phạm pháp luật về kiểm soát ô nhiễm môi trường biển và hải đảo	8	8	100%	Tốt
3	Điều tra, thống kê, phân loại, đánh giá các nguồn thải từ đất liền, từ các hoạt động trên biển và hải đảo; tình trạng ô nhiễm môi trường biển và hải đảo	12	10	83,3%	Khá
4	Định kỳ quan trắc và đánh giá hiện trạng chất lượng nước, trầm tích và đa dạng sinh học của các khu vực biển và hải đảo	12	11	91,6%	Tốt
5	Phòng ngừa, phát hiện, xử lý, khắc phục tình trạng ô nhiễm và suy thoái môi trường, các hệ	30	25	83,3 %	Khá

TT	Nội dung	Tổng điểm tối đa	Tổng điểm tự đánh giá	Chỉ số đánh giá kết quả thực hiện nội dung kiểm soát ô nhiễm môi trường biển và hải đảo	Xếp loại kết quả hoạt động kiểm soát ô nhiễm môi trường biển và hải đảo
	sinh thái biển, hải đảo; cải thiện và phục hồi môi trường, các hệ sinh thái biển, hải đảo bị ô nhiễm và suy thoái				
6	Ứng phó, khắc phục sự cố môi trường biển	12	11	91,6 %	Tốt
7	Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục, nâng cao nhận thức pháp luật về bảo vệ môi trường biển và hải đảo	8	8	100%	Tốt
8	Thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về tài nguyên, môi trường biển và hải đảo, giải quyết khiếu nại tố cáo	10	10	100%	Tốt
CHỈ SỐ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KIỂM SOÁT Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG BIỂN VÀ HẢI ĐẢO		100	91	91%	Tốt

Phụ lục I
BÁO CÁO DIỄN GIẢI KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG
KIỂM SOÁT Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG BIỂN VÀ HẢI ĐẢO NĂM 2021
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH ĐỊNH

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND
ngày / /2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định)*

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành kiểm soát ô nhiễm môi trường biển và hải đảo (8 điểm)

a) Tiêu chí 1.1: công tác ban hành văn bản lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành kiểm soát ô nhiễm môi trường biển và hải đảo (5 điểm)

- Tiêu chí thành phần 1.1.1. Xây dựng kế hoạch, nhiệm vụ kiểm soát ô nhiễm môi trường biển và hải đảo (1 điểm): Nhiệm vụ “Điều tra, đánh giá kết quả kiểm soát ô nhiễm môi trường biển, hải đảo” thuộc Danh mục các đề án, dự án, nhiệm vụ triển khai Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động số 22-CTr/TU ngày 29/7/2019 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22/10/2018 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (theo Quyết định số 465/QĐ-UBND ngày 17/02/2020 của UBND tỉnh). Đồng thời, Kế hoạch, nhiệm vụ kiểm soát ô nhiễm môi trường biển và hải đảo được xây dựng lồng ghép trong Chương trình công tác năm 2021 được Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường phê duyệt tại Quyết định số 230/QĐ-STNMT ngày 31/3/2021.

- Tiêu chí thành phần 1.1.2. Lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện kế hoạch, nhiệm vụ kiểm soát ô nhiễm môi trường biển và hải đảo theo kế hoạch, nhiệm vụ của năm (4 điểm): Kết quả thực hiện nhiệm vụ kiểm soát ô nhiễm môi trường biển, hải đảo của Sở Tài nguyên và Môi trường được thể hiện tại Báo cáo số 204/BC-STNMT ngày 16/11/2021 về tình hình thực hiện nhiệm vụ năm 2021, nhiệm vụ trọng tâm năm 2022, đồng thời được thể hiện qua các báo cáo của UBND tỉnh bao gồm: Báo cáo số 09/BC-UBND ngày 19/01/2022 về công tác bảo vệ môi trường tỉnh Bình Định năm 2021 và Báo cáo số 15/BC-UBND ngày 11/02/2022 về tình hình quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển và hải đảo năm 2021 tỉnh Bình Định.

b) Tiêu chí 1.2: đánh giá kết quả lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành kiểm soát ô nhiễm môi trường biển và hải đảo (3 điểm)

Tiêu chí thành phần 1.2.1. Tổ chức đánh giá kết quả lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành kiểm soát ô nhiễm môi trường biển và hải đảo (2 điểm) và Tiêu chí thành phần 1.2.2. Giải pháp khắc phục tồn tại, yếu kém (1 điểm): Công tác đánh giá kết quả lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành kiểm soát ô nhiễm môi trường biển và hải đảo được thực hiện lồng ghép trong công tác kiểm điểm việc chỉ đạo, điều hành thực hiện nhiệm vụ năm 2021 của Sở Tài nguyên và Môi trường. Kết quả

thực hiện được Sở Tài nguyên và Môi trường báo cáo UBND tỉnh tại Báo cáo số 229/BC-STNMT ngày 01/12/2021. Trong Báo cáo số 229/BC-STNMT cũng đã đưa ra các hạn chế và nguyên nhân để từ đó đề ra giải pháp khắc phục thông qua việc xây dựng các nội dung nhiệm vụ trọng tâm năm 2022.

2. Rà soát, hệ thống hóa; theo dõi, kiểm tra tình hình thi hành văn bản quy phạm pháp luật về kiểm soát ô nhiễm môi trường biển và hải đảo (8 điểm)

a) Tiêu chí 2.1: rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật về kiểm soát ô nhiễm môi trường biển và hải đảo (2 điểm)

Công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật về kiểm soát ô nhiễm môi trường biển và hải đảo được Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện thông qua việc triển khai Kế hoạch số 03/KH-STNMT ngày 27/01/2021 về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật năm 2021. Kết quả rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật được Sở Tài nguyên và Môi trường báo cáo Sở Tư pháp qua Báo cáo số 239/BC-STNMT ngày 13/12/2021 về kết quả tự kiểm tra, xử lý, rà soát văn bản quy phạm pháp luật do HĐND tỉnh, UBND tỉnh ban hành năm 2021 trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường, đồng thời, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 149/QĐ-UBND ngày 14/01/2022 công bố Danh mục văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND tỉnh hết hiệu lực toàn bộ và hết hiệu lực một phần năm 2021.

b) Tiêu chí 2.2: xử lý kết quả rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật về kiểm soát ô nhiễm môi trường biển và hải đảo (3 điểm)

Theo Báo cáo số 239/BC-STNMT ngày 13/12/2021 của Sở Tài nguyên và Môi trường, sau khi rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật liên quan thì chưa phát hiện có văn bản trái pháp luật về thẩm quyền, nội dung.

c) Tiêu chí 2.3: theo dõi, kiểm tra tình hình thi hành văn bản quy phạm pháp luật về kiểm soát ô nhiễm môi trường biển và hải đảo (3 điểm)

Công tác theo dõi, kiểm tra tình hình thi hành văn bản quy phạm pháp luật về kiểm soát ô nhiễm môi trường biển và hải đảo và xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý khi phát hiện các trường hợp vi phạm được thực hiện thông qua các nhiệm vụ do Sở Tài nguyên và Môi trường tham mưu UBND tỉnh thực hiện như sau:

- Nhằm thực hiện Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật năm 2021 trên địa bàn tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường đã ban hành Kế hoạch số 04/KH-STNMT ngày 27/01/2021 về theo dõi tình hình thi hành pháp luật năm 2021, trong đó có nội dung “*Theo dõi thi hành pháp luật về việc thực thi các văn bản quy phạm pháp luật do Nhà nước ban hành liên quan đến lĩnh vực tài nguyên và môi trường đối với cá nhân, tổ chức trên địa bàn tỉnh*” với hình thức theo dõi là “*Thành lập các đoàn thanh tra, kiểm tra tình hình thi hành pháp luật trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường theo Kế hoạch thanh tra, kiểm tra năm 2021 của Sở Tài nguyên và Môi trường*”. Kế hoạch thanh tra, kiểm tra năm 2021 của Sở Tài nguyên và Môi trường được Giám đốc Sở phê duyệt tại các

Quyết định số 105/QĐ-STNMT ngày 08/02/2021, Quyết định số 681/QĐ-STNMT ngày 15/9/2021 và Quyết định số 887/QĐ-STNMT ngày 09/12/2021. Kết quả công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật năm 2021 được Sở Tài nguyên và Môi trường báo cáo Sở Tư pháp tại Báo cáo số 215/BC-STNMT ngày 24/11/2021.

- Nhằm kiểm tra việc thực hiện công tác kiểm soát ô nhiễm trong lĩnh vực bảo vệ môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường đã tiến hành kiểm tra tại một số cơ sở sản xuất kinh doanh, trong đó có 01 cơ sở ven biển (Chung cư An Phú Thịnh Garden Tower, phường Nhơn Bình, thành phố Quy Nhơn). Kết quả kiểm tra, cơ sở đã thực hiện tốt công tác bảo vệ môi trường theo văn bản số 22/CCBVMT-THTĐ ngày 11/01/2022 của Chi cục Bảo vệ môi trường.

- Nhằm kiểm tra, phát hiện các hành vi vi phạm hành chính đối với các đơn vị xả nước thải trên địa bàn tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường đã thành lập Đoàn kiểm tra việc chấp hành các quy định về tài nguyên nước của các tổ chức trên địa bàn tỉnh Bình Định tại Quyết định số 781/QĐ-STNMT ngày 20/10/2021, trong đó có 01 đơn vị có hoạt động xả nước thải ra ven biển là Ban quản lý Cụm Công nghiệp Hoài Nhơn.

3. Điều tra, thống kê, phân loại, đánh giá các nguồn thải từ đất liền, từ các hoạt động trên biển và hải đảo; tình trạng ô nhiễm môi trường biển và hải đảo (10 điểm)

a) Tiêu chí 3.1: điều tra, thống kê, phân loại, đánh giá các nguồn thải từ đất liền, từ các hoạt động trên biển và hải đảo (6 điểm)

- Tiêu chí thành phần 3.1.1. Xây dựng kế hoạch điều tra, thống kê, phân loại, đánh giá các nguồn thải từ đất liền, từ các hoạt động trên biển và hải đảo thuộc lĩnh vực quản lý (1 điểm): Công tác điều tra, thống kê, phân loại, đánh giá các nguồn thải từ đất liền, từ các hoạt động trên biển và hải đảo được thực hiện thông qua việc triển khai các nhiệm vụ của các cơ quan quản lý nhà nước. Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện thông qua nhiệm vụ “Nghiên cứu, điều tra kiểm soát nguồn thải trực tiếp gây suy thoái tài nguyên, ô nhiễm môi trường vùng biển ven bờ tỉnh Bình Định” (2021 - 2022) (theo Chương trình công tác năm 2021 tại Quyết định số 230/QĐ-STNMT ngày 31/3/2021 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường). Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh lồng ghép vào nhiệm vụ quản lý tình hình xử lý nước thải, quản lý chất thải rắn, kiểm soát khí thải trên địa bàn Khu kinh tế Nhơn Hội theo chức năng, nhiệm vụ được UBND tỉnh giao (theo Báo cáo số 181/BC-BQL ngày 30/11/2021 của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh) và Cảng vụ Hàng hải Quy Nhơn thực hiện theo chức năng quản lý hoạt động thu gom và xử lý chất thải từ tàu biển tại cảng biển Quy Nhơn, luồng hàng hải Quy Nhơn (theo văn bản số 28/CVHHQNh-TT&ATANHH ngày 12/01/2022 của Cảng vụ Hàng hải Quy Nhơn).

- Tiêu chí thành phần 3.1.2. Tổ chức thực hiện kế hoạch điều tra, thống kê, phân loại, đánh giá các nguồn thải từ đất liền, từ các hoạt động trên biển và hải đảo thuộc lĩnh vực quản lý (4 điểm) và Tiêu chí thành phần 3.1.3. Báo cáo

kết quả điều tra, thống kê, phân loại, đánh giá các nguồn thải từ đất liền, từ các hoạt động trên biển và hải đảo (1 điểm): Căn cứ theo chức năng và nhiệm vụ, các cơ quan quản lý nhà nước đã hoàn thành các nhiệm vụ theo kế hoạch công tác năm 2021. Sở Tài nguyên và Môi trường đã hoàn thành kế hoạch năm 2021 nhiệm vụ “Nghiên cứu, điều tra kiểm soát nguồn thải trực tiếp gây suy thoái tài nguyên, ô nhiễm môi trường vùng biển ven bờ tỉnh Bình Định” (2021 - 2022): tiến hành điều tra, thu thập, cập nhật thông tin, tài liệu, số liệu về hiện trạng xả thải tại các địa phương ven biển, đồng thời lập danh mục các đối tượng và tiến hành điều tra chi tiết (theo Báo cáo tiến độ thực hiện đề tài khoa học và công nghệ tỉnh Bình Định ngày 30/9/2022 của Viện Hải dương học). Bên cạnh đó, Sở Tài nguyên và Môi trường tiếp tục thực hiện công tác quản lý và cập nhật Cơ sở dữ liệu môi trường của các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn tỉnh (được xây dựng hoàn thành vào năm 2016). Đối tượng của hệ thống cơ sở dữ liệu là các nguồn thải (khí thải, nước thải, chất thải rắn, chất thải nguy hại) từ đất liền và trên biển, hải đảo phát sinh từ các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ. Đến nay, hệ cơ sở dữ liệu nguồn thải tỉnh Bình Định đang vận hành và lưu trữ dữ liệu về nguồn thải đối với khoảng 350 cơ sở trên địa bàn tỉnh (trong đó có khoảng 20 cơ sở hoạt động ven biển, chủ yếu tập trung lĩnh vực khách sạn, khu du lịch, nuôi trồng thủy sản (theo Báo cáo số 15/BC-UBND ngày 11/02/2022 của UBND tỉnh). Ngoài ra, Sở Tài nguyên và Môi trường đã báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường tình hình xả thải của các dự án ven biển (theo văn bản số 1860/STNMT-BHĐ ngày 30/7/2021). Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh thực hiện thống kê quy mô, tính chất chất thải (tổng lượng nước thải, chất thải rắn, chất thải nguy hại) của 36 dự án đang hoạt động sản xuất, kinh doanh trên địa bàn Khu kinh tế Nhơn Hội: tổng lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh ước tính khoảng 10,24 m³/ngày; tổng lượng chất thải nguy hại phát sinh ước tính khoảng 641,4 tấn/năm; tổng lượng chất thải công nghiệp phát sinh ước tính khoảng 588 tấn/tháng; tổng lượng nước thải công nghiệp phát sinh ước tính khoảng 1.418 m³/ngày, trong đó, nước thải phát sinh từ các cơ sở nằm trong Khu công nghiệp A, B và khu vực phía Tây Nam Khu kinh tế Nhơn Hội được thu gom, xử lý tại Nhà máy xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp Nhơn Hội trung bình khoảng 350 m³/ngày, cao nhất khoảng 753 m³/ngày (trong năm 2021), còn lại là nước thải sinh hoạt phát sinh từ các cơ sở nằm ngoài Khu công nghiệp (theo Báo cáo số 181/BC-BQL ngày 30/11/2021 của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh). Cảng vụ Hàng hải Quy Nhơn thực hiện thống kê hoạt động thu gom và xử lý chất thải từ tàu biển tại cảng biển Quy Nhơn, luồng hàng hải Quy Nhơn trong năm 2021 có 1.300 lượt tàu thanh thải chất thải sinh hoạt đúng nơi quy định; 31 tàu được giám sát thanh thải dầu bẩn (khoảng 410 m³ chất lỏng lẫn dầu) (theo Văn bản số 28/CVHHQNh-TT&ATANHH ngày 12/01/2022 của Cảng vụ Hàng hải Quy Nhơn). Nhìn chung, công tác điều tra, thống kê, phân loại, đánh giá các nguồn thải chủ yếu tập trung ở đất liền, các hoạt động điều tra, thống kê trên biển và hải đảo còn hạn chế.

b) Tiêu chí 3.2: đánh giá tình trạng ô nhiễm môi trường biển và hải đảo (4 điểm)

Tiêu chí thành phần 3.2.1. Đánh giá mức độ ô nhiễm môi trường biển và hải đảo do các hoạt động thuộc phạm vi lĩnh vực quản lý (3 điểm) và Tiêu chí thành phần 3.2.2. Đề xuất, kiến nghị các giải pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường biển và hải đảo (1 điểm): Công tác đánh giá tình trạng ô nhiễm môi trường biển và hải đảo được thực hiện thông qua công tác quan trắc môi trường hằng năm của các cơ quan quản lý nhà nước. Sở Tài nguyên và Môi trường triển khai “Quan trắc hiện trạng môi trường tỉnh Bình Định năm 2021” và “Quan trắc nước biển ven bờ và trầm tích biển Bình Định năm 2021” theo Chương trình công tác (theo Quyết định số 230/QĐ-STNMT ngày 31/3/2021 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Văn bản số 207/UBND-KT ngày 11/01/2022 của UBND tỉnh, Báo cáo số 15/BC-UBND ngày 11/02/2022 của UBND tỉnh, Phiếu kết quả thử nghiệm Quan trắc nước biển ven bờ và trầm tích biển Bình Định năm 2021 của Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường). Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh phối hợp với đơn vị tư vấn có chức năng tiến hành thực hiện quan trắc môi trường (môi trường không khí, chất lượng trầm tích trong nước biển, môi trường nước biển ven bờ, môi trường nước dưới đất) trên địa bàn Khu kinh tế Nhơn Hội (theo Báo cáo số 181/BC-BQL ngày 30/11/2021 của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh). Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện 19 đợt quan trắc chất lượng môi trường nước nuôi trồng thủy sản tại 09 điểm thuộc các vùng nuôi tôm nước lợ và 01 điểm thuộc vùng nuôi tôm hùm nước mặn xã Nhơn Hải. Thời gian thực hiện quan trắc môi trường nước bắt đầu từ tháng 1 đến tháng 10 hàng năm. Đối với vùng nuôi tôm nước lợ quan trắc theo con nước thủy triều với tần suất 02 lần/tháng vào thời điểm gần đỉnh triều. Riêng vùng biển xã Nhơn Hải thì tần suất quan trắc là 01 lần/tháng (theo Báo cáo số 1723/BC-TS ngày 31/12/2021 của Chi cục Thủy sản và Báo cáo số 15/BC-UBND ngày 11/02/2022 của UBND tỉnh). Thông qua kết quả quan trắc môi trường của các cơ quan quản lý nhà nước đã đánh giá được tình trạng môi trường biển, hải đảo và đề xuất, kiến nghị các giải pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường biển và hải đảo.

4. Định kỳ quan trắc và đánh giá hiện trạng chất lượng nước, trầm tích và đa dạng sinh học của các khu vực biển và hải đảo (11 điểm)

a) Tiêu chí 4.1: xây dựng chương trình định kỳ quan trắc chất lượng nước, trầm tích và đa dạng sinh học của các khu vực biển và hải đảo (1 điểm)

Chương trình định kỳ quan trắc chất lượng nước, trầm tích và đa dạng sinh học của các khu vực biển và hải đảo được Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện thông qua nhiệm vụ “Quan trắc hiện trạng môi trường tỉnh Bình Định năm 2021”, “Quan trắc nước biển ven bờ và trầm tích biển Bình Định năm 2021” và “Điều tra, thống kê định kỳ các hệ sinh thái, các loài động vật, thực vật đặc hữu có giá trị khoa học, kinh tế hoặc đang có nguy cơ tuyệt chủng tại Đầm Đề Gi” (2021 - 2022) (theo Chương trình công tác năm 2021 tại Quyết định số 230/QĐ-STNMT ngày 31/3/2021 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường).

Bên cạnh đó, thực hiện công tác quản lý nhà nước, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh cũng tiến hành thực hiện quan trắc môi trường (chất lượng trầm tích trong nước biển, môi trường nước biển ven bờ) trên địa bàn Khu kinh tế Nhơn Hội (theo Báo cáo số 181/BC-BQL ngày 30/11/2021 của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh).

Ngoài ra, thực hiện công tác quản lý việc bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện công tác quan trắc chất lượng môi trường nước tại các điểm thuộc các vùng nuôi trong tỉnh, đồng thời phối hợp Hiệp hội thủy sản tỉnh thực hiện quan trắc đánh giá hiện trạng rạn san hô định kỳ hàng năm trong khuôn khổ dự án “Nâng cao năng lực của các tổ chức cộng đồng địa phương gắn với giao quyền quản lý, bảo vệ rạn san hô tại vùng biển ven bờ thuộc Vịnh Quy Nhơn” (theo Báo cáo số 1723/BC-TS ngày 31/12/2021 của Chi cục Thủy sản và Báo cáo kết thúc Dự án Nâng cao năng lực của các tổ chức cộng đồng địa phương gắn với giao quyền quản lý, bảo vệ rạn san hô tại vùng biển ven bờ thuộc Vịnh Quy Nhơn của Hiệp hội Thủy sản Bình Định).

b) Tiêu chí 4.2: tổ chức định kỳ quan trắc chất lượng nước của các khu vực biển và hải đảo (2 điểm)

Thực hiện nhiệm vụ “Quan trắc hiện trạng môi trường tỉnh Bình Định năm 2021”, Sở Tài nguyên và Môi trường đã tiến hành quan trắc 13 vị trí chất lượng môi trường nước biển trên địa bàn tỉnh, hoàn thành 100% nhiệm vụ đề ra (thể hiện trong văn bản số 207/UBND-KT ngày 11/01/2022 của UBND tỉnh).

Thực hiện nhiệm vụ “Quan trắc nước biển ven bờ và trầm tích biển Bình Định năm 2021”, Sở Tài nguyên và Môi trường đã tiến hành quan trắc 36 điểm quan trắc nước biển ven bờ (tầng mặt, tầng giữa, tầng đáy), hoàn thành 100% nhiệm vụ đề ra (thể hiện trong Báo cáo số 15/BC-UBND ngày 11/02/2022 của UBND tỉnh, Phiếu kết quả thử nghiệm Quan trắc nước biển ven bờ và trầm tích biển Bình Định năm 2021 của Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường).

Thực hiện công tác đánh giá hiện trạng và diễn biến chất lượng môi trường trên địa bàn Khu kinh tế Nhơn Hội, định kỳ hàng năm, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh phối hợp với đơn vị tư vấn có chức năng tiến hành thực hiện quan trắc môi trường nước biển ven bờ (05 điểm khu vực Đầm Thị Nại, 08 điểm gần các dự án du lịch ven biển từ xã Nhơn Hải đến xã Cát Hải) (thể hiện trong Báo cáo số 181/BC-BQL ngày 30/11/2021 của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh).

Thực hiện công tác quan trắc chất lượng môi trường nước tại các điểm thuộc các vùng nuôi trong tỉnh hằng năm, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã thực hiện 19 đợt quan trắc chất lượng môi trường nước nuôi trồng thủy sản tại 09 điểm thuộc các vùng nuôi tôm nước lợ và 01 điểm thuộc vùng nuôi tôm hùm nước mặn xã Nhơn Hải, hoàn thành 100% nhiệm vụ đề ra (thể hiện trong Báo cáo số 1723/BC-TS ngày 31/12/2021 của Chi cục Thủy sản).

c) Tiêu chí 4.3: tổ chức định kỳ đánh giá hiện trạng chất lượng nước của các khu vực biển và hải đảo (1 điểm)

Thông qua kết quả quan trắc, Sở Tài nguyên và Môi trường đã tiến hành phân tích, đánh giá hiện trạng chất lượng môi trường nước tại các đầm ven biển và nước biển ven bờ năm 2021 (thể hiện trong văn bản số 207/UBND-KT ngày 11/01/2022 của UBND tỉnh và Báo cáo số 15/BC-UBND ngày 11/02/2022 của UBND tỉnh), Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh phân tích, đánh giá hiện trạng chất lượng môi trường nước biển ven bờ khu vực Đầm Thị Nại, các dự án du lịch ven biển từ xã Nhơn Hải đến xã Cát Hải thuộc địa bàn Khu kinh tế Nhơn Hội năm 2021 (thể hiện trong Báo cáo số 181/BC-BQL ngày 30/11/2021 của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh) và Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tiến hành phân tích, đánh giá hiện trạng chất lượng môi trường nước tại các vùng nuôi tôm nước lợ và vùng nuôi tôm hùm nước mặn năm 2021 (thể hiện trong Báo cáo số 15/BC-UBND ngày 11/02/2022 của UBND tỉnh).

d) Tiêu chí 4.4: tổ chức định kỳ quan trắc chất lượng trầm tích của các khu vực biển và hải đảo (2 điểm)

Thực hiện nhiệm vụ “Quan trắc nước biển ven bờ và trầm tích biển Bình Định năm 2021”, Sở Tài nguyên và Môi trường đã tiến hành quan trắc 07 điểm quan trắc trầm tích biển, hoàn thành 100% nhiệm vụ đề ra (thể hiện trong Báo cáo số 15/BC-UBND ngày 11/02/2022 của UBND tỉnh, Phiếu kết quả thử nghiệm Quan trắc nước biển ven bờ và trầm tích biển Bình Định năm 2021 của Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường).

Thực hiện công tác đánh giá hiện trạng và diễn biến chất lượng môi trường trên địa bàn Khu kinh tế Nhơn Hội, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh phối hợp với đơn vị tư vấn có chức năng tiến hành thực hiện quan trắc chất lượng trầm tích trong nước biển tại Vịnh Mai Hương và Khu cảng tổng hợp Nhơn Hội (thể hiện trong Báo cáo số 181/BC-BQL ngày 30/11/2021 của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh).

đ) Tiêu chí 4.5: tổ chức định kỳ đánh giá hiện trạng chất lượng trầm tích của các khu vực biển và hải đảo (1 điểm)

Thông qua kết quả quan trắc, Sở Tài nguyên và Môi trường đã tiến hành phân tích và đánh giá hiện trạng chất lượng môi trường trầm tích biển năm 2021 (thể hiện trong Báo cáo số 15/BC-UBND ngày 11/02/2022 của UBND tỉnh), Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh phân tích, đánh giá hiện trạng chất lượng trầm tích tại Vịnh Mai Hương và Khu cảng tổng hợp Nhơn Hội thuộc địa bàn Khu kinh tế Nhơn Hội năm 2021 (thể hiện trong Báo cáo số 181/BC-BQL ngày 30/11/2021 của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh).

e) Tiêu chí 4.6: tổ chức định kỳ quan trắc đa dạng sinh học của các khu vực biển và hải đảo (1 điểm)

Thông qua việc triển khai kế hoạch năm 2021 nhiệm vụ “Điều tra, thống kê định kỳ các hệ sinh thái, các loài động vật, thực vật đặc hữu có giá trị khoa học, kinh tế hoặc đang có nguy cơ tuyệt chủng tại Đầm Đê Gi” (2021 - 2022) (theo văn bản số 22/CCBVMT-THTĐ ngày 11/01/2022 của Chi cục Bảo vệ môi trường), Sở Tài nguyên và Môi trường đã xác định được một số nội dung sau:

- Các nguyên nhân gây suy giảm đa dạng sinh học: chủ yếu đến từ khai thác bất hợp pháp, khai thác mang tính hủy diệt; lực lượng quản lý ở địa phương (UBND xã) còn thiếu và yếu; ý thức của người dân không cao và sức hút thị trường cùng với áp lực cuộc sống hàng ngày đối với ngư dân nghèo quanh đầm; tác động của biến đổi khí hậu (chủ yếu là những cơn bão và mưa lớn kéo dài); công tác quản lý, bảo vệ gặp nhiều khó khăn; mô hình đồng quản lý chưa được áp dụng một cách có hiệu quả... (theo Báo cáo công việc Phân tích đánh giá các mối đe dọa và ảnh hưởng từ các hoạt động của người dân đến đa dạng sinh học tại đầm Đê Gi, Phân tích đánh giá các tác động của con người đến các hệ sinh thái của đầm Đê Gi, Phân tích đánh giá tác động của quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội đến các hệ sinh thái và đa dạng sinh học tại đầm Đê Gi và Phân tích đánh giá khả năng tổn thương do biến đổi khí hậu đến đa dạng sinh học của đầm Đê Gi năm 2021 của Viện tài nguyên và môi trường - Đại học Quốc gia Hà Nội).

- Số liệu về hệ sinh thái rừng thứ sinh đầm Đê Gi như sau: Đây là hệ sinh thái có các kiểu rừng thứ sinh nghèo tương ứng với trạng thái rừng ở mức IIA, IIB. Hệ sinh thái rừng thứ sinh được phục hồi sau canh tác nương rẫy, phục hồi sau phá rừng, phân bố rải rác ở các huyện Phù Cát, Phù Mỹ. Đây là kiểu quần tụ thực vật có nguồn gốc trực tiếp từ kiểu rừng tự nhiên trình bày ở trên. Thảm thực vật rừng ở đây có thể đã bị tác động mạnh qua việc khai thác lấy gỗ. Các loài cây gỗ lớn có giá trị kinh tế cao đã bị khai thác, trong lâm phần chỉ còn lại một ít các cây gỗ nhưng cong queo hoặc rỗng ruột hoặc các cây gỗ có giá trị kinh tế thấp như: Ngát, Sung, Ràng ràng,... Rừng bị tác động, tán rừng bị thay đổi, có nhiều khoảng trống, bãi trống. Điều đó đã tạo điều kiện cho các loài cây ưa sáng thâm nhập như: Vạng trứng, Lõi thọ, Lá nện lông,... Ven suối thường gặp các loài thực vật như: Lọng bàng, Lộc mai,... kiểu rừng này hiện đang được phục hồi khá nhanh khi được khoanh nuôi, tái sinh tự nhiên. Trong hệ sinh thái rừng thứ sinh cũng còn có loại kiểu rừng thứ sinh phục hồi sau quá trình làm nương rẫy. Đây là kiểu rừng có nguồn gốc từ rừng kín thường xanh mưa ẩm nhiệt đới, nhưng do các hoạt động khai phá làm nương rẫy và nạn cháy rừng đã làm mất đi lớp thảm rừng nguyên sinh, sau đó được bỏ hoang nhiều năm và rừng đã xuất hiện và có khả năng phục hồi. Thảm thực vật rừng chủ yếu là các loài cây ưa sáng, mọc nhanh như: Vạng trứng, Màng tang, Bời lời giấy,... Dưới tán rừng đã thấy xuất hiện lác đác cây tái sinh của các loài gỗ như: Một số loài Trâm, Gội, Quếch,... Trạng thái thực vật rừng này nếu không bị tác động gây hại tiếp theo sẽ có khả năng phục hồi nhanh để trở thành kiểu rừng kín thường xanh đặc trưng của khu vực (theo Báo cáo công việc Phân tích đánh giá hiện trạng các hệ sinh thái đặc trưng của đầm Đê Gi năm 2021 của Viện tài nguyên và môi trường - Đại học Quốc gia Hà Nội).

- Số liệu về thành phần loài trong hệ sinh thái đầm như sau: khu hệ thực vật với thực vật ngập mặn phân bố rải rác xung quanh đầm, được ghi nhận có 33 loài, gồm 26 giống nằm trong 21 họ, thuộc 14 bộ. Các loài ngoại lai xâm hại đã ghi nhận 9 loài là sinh vật ngoại lai xâm hại hoặc có nguy cơ xâm hại. Khu hệ động vật có xương sống ở trên cạn bao gồm các loài chim, thú, bò sát và lưỡng

cur đã được xác định tổng số có 98 loài, 50 họ của 18 bộ, 4 lớp. Đa dạng nhất là các loài chim với tổng số 89 loài chim. Khu hệ động vật không xương sống ở khu vực cho đến nay đã xác định được 211 loài, 71 họ, 24 bộ, 6 lớp của 3 ngành là Giun đất (10 loài), Thân mềm (153 loài) và Chân khớp (48 loài). Các loài ngoại lai xâm hại: Ốc bươu vàng. Khu hệ cá qua phân tích các mẫu vật đã thu thập và tổng hợp các nghiên cứu đã ghi nhận được 116 loài thuộc 53 họ, 18 bộ, 2 lớp. Các loài ngoại lai xâm hại: cá rô phi vàng, cá rô phi đen. Theo số liệu từ cơ quan quản lý thủy sản, sản lượng khai thác đối với Cá chình giảm 90% từ 2006 so với 2000, nguồn cá khác giảm cũng 50%, tôm nghề đẹp giảm 84%,... (Nguyên do là vãn nạn khai thác hủy diệt các nguồn lợi trong đầm, khai thác khu vực bãi đẻ, khai thác bằng lưới mắt nhỏ, đáy, đăng mảnh, khai thác bằng xung điện làm nguồn lợi ở đây suy giảm nghiêm trọng. Theo đó, loài Cá chình mun có nguy cơ tuyệt chủng) (theo Báo cáo công việc Tổng hợp số liệu, phân tích đánh giá hiện trạng các loài thực vật quý hiếm, có giá trị kinh tế, đặc hữu tại đầm Đề Gi, Tổng hợp số liệu, phân tích đánh giá hiện trạng các loài động vật quý hiếm, có giá trị kinh tế, đặc hữu tại đầm Đề Gi, Tổng hợp số liệu, phân tích đánh giá hiện trạng các loài cá quý hiếm, có giá trị kinh tế, đặc hữu tại đầm Đề Gi năm 2021 của Viện tài nguyên và môi trường - Đại học Quốc gia Hà Nội).

- Đề xuất các giải pháp hỗ trợ cho công tác bảo tồn phục hồi các hệ sinh thái, bảo tồn các loài động thực vật đặc hữu, có giá trị khoa học, kinh tế hoặc đang có nguy cơ tuyệt chủng ở Đề Gi: Rà soát, đánh giá và xây dựng các thể chế chính sách của tỉnh liên quan đến quản lý và bảo tồn đa dạng sinh học vùng đầm Đề Gi; Tăng cường công tác quản lý; Xây dựng, hoàn thiện và áp dụng mô hình đồng quản lý; Tăng cường các nguồn lực cho công tác bảo tồn; Phân vùng khai thác sử dụng hợp lý các nguồn lợi thủy sản của đầm; Quản lý, cô lập, diệt trừ và kiểm soát sinh vật ngoại lai xâm hại; Chia sẻ dữ liệu trực tuyến đa dạng sinh học; Các giải pháp khác (Cơ chế vận hành hệ thống công trình thủy lợi và Các giải pháp công trình) (theo Báo cáo công việc Tổng hợp và phân tích kết quả phiếu điều tra bằng công cụ SWOT nhằm xác định được các rủi ro và tiềm năng liên quan đến bảo tồn và phát triển các hệ sinh thái, các nhóm loài quý hiếm, có giá trị kinh tế, đặc hữu năm 2021 của Viện tài nguyên và môi trường - Đại học Quốc gia Hà Nội).

Thông qua đợt quan trắc san hô năm 2021 trong khuôn khổ dự án “Nâng cao năng lực của các tổ chức cộng đồng địa phương gắn với giao quyền quản lý, bảo vệ rạn san hô tại vùng biển ven bờ thuộc Vịnh Quy Nhơn”, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Hiệp hội thủy sản tỉnh đã xác định được một số nội dung sau (theo Báo cáo kết thúc Dự án Nâng cao năng lực của các tổ chức cộng đồng địa phương gắn với giao quyền quản lý, bảo vệ rạn san hô tại vùng biển ven bờ thuộc Vịnh Quy Nhơn của Hiệp hội Thủy sản Bình Định):

- Độ phủ của san hô sống: Tại Bãi Dứa có chất lượng tốt nhất (độ phủ san hô đạt 75,62%, trong đó san hô mềm 13%), sau đó là ở Hòn Khô Nhỏ (44,37%). Rạn ở Hòn Nhàn, Ghềnh Ráng (31,82%) và rạn ở Bãi Trước, Nhơn Châu (23,12%). Độ phủ san hô tại Hòn Nhàn và Bãi Trước thấp là do đã bị tác động lớn của các cơn bão những năm trước đây và hiện nay đang dần phục hồi ở mức

độ khác nhau. Rạn ở Hòn Nhàn, Ghềnh Ráng có dấu hiệu phục hồi tốt hơn so với rạn ở Bãi Trước, Nhon Châu.

- Khuyến nghị và đề xuất: Xây dựng kế hoạch bảo vệ và khai thác hợp lý hệ sinh thái rạn san hô trên toàn vùng vịnh Quy Nhơn và tỉnh Bình Định; tiếp tục hỗ trợ 04 xã, phường (Nhơn Lý, Nhơn Hải, Ghềnh Ráng, Nhơn Châu) và các tổ chức cộng đồng duy trì và phát triển mô hình giao quyền cho cộng đồng thực hiện quản lý, bảo vệ các vùng biển có rạn san hô sau khi dự án kết thúc.

g) Tiêu chí 4.7: tổ chức định kỳ đánh giá hiện trạng đa dạng sinh học của các khu vực biển và hải đảo (1 điểm)

Thông qua việc triển khai kế hoạch năm 2021 nhiệm vụ “Điều tra, thống kê định kỳ các hệ sinh thái, các loài động vật, thực vật đặc hữu có giá trị khoa học, kinh tế hoặc đang có nguy cơ tuyệt chủng tại Đầm Đê Gi” (2021 - 2022), Sở Tài nguyên và Môi trường xác định được nội dung tại hệ sinh thái đầm Đê Gi đã xác định được 595 loài sinh vật thuộc 318 giống (chi), 168 họ, 64 bộ, 24 lớp thuộc các nhóm sinh vật: động vật nổi, động vật đáy, giáp xác, nhuyễn thể, động vật đáy khác (gồm giun nhiều tơ, giun ít tơ, ga gai và gá sùng), cá, thực vật nổi, rong biển và thực vật bậc cao) (theo Báo cáo công việc Tổng hợp và phân tích kết quả phiếu điều tra bằng công cụ SWOT nhằm xác định được các rủi ro và tiềm năng liên quan đến bảo tồn và phát triển các hệ sinh thái, các nhóm loài quý hiếm, có giá trị kinh tế, đặc hữu năm 2021 của Viện tài nguyên và môi trường - Đại học Quốc gia Hà Nội).

Thông qua đợt quan trắc san hô năm 2021 trong khuôn khổ dự án “Nâng cao năng lực của các tổ chức cộng đồng địa phương gắn với giao quyền quản lý, bảo vệ rạn san hô tại vùng biển ven bờ thuộc Vịnh Quy Nhơn”, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Hiệp hội thủy sản tỉnh đánh giá nhìn chung ở cả 04 điểm quan trắc, mật độ cá rạn thưa thớt và không gặp được cá thể có kích thước lớn. Các loài sinh vật đặc trưng của vùng rạn như cá bướm, cá mú, cá thia, ốc đụn... rất hiếm gặp. Các loài sinh vật đáy phổ biến trước đây như ốc mặt trăng, ốc đụn, bào ngư... gần như không thấy. Riêng tại điểm quan trắc Hòn Nhàn, Ghềnh Ráng quan trắc viên đã ghi nhận sự có mặt của hầu hết các loài sinh vật đặc trưng của vùng rạn san hô tại đây, tuy nhiên không có cá thể kích thước lớn. Kết quả quan trắc cho thấy hoạt động quản lý của Tổ chức cộng đồng và chính quyền địa phương đã được triển khai ở 04 xã, phường thuộc dự án có đóng góp nhất định trong duy trì độ phủ san hô, vẫn giữ được trạng thái ổn định. Tuy nhiên, việc khai thác thủy sản trong khu khoanh vùng bảo vệ san hô chưa được quản lý hiệu quả. (theo Báo cáo kết thúc Dự án Nâng cao năng lực của các tổ chức cộng đồng địa phương gắn với giao quyền quản lý, bảo vệ rạn san hô tại vùng biển ven bờ thuộc Vịnh Quy Nhơn của Hiệp hội Thủy sản Bình Định).

h) Tiêu chí 4.8: tổ chức kiểm tra, đánh giá hoạt động hệ thống quan trắc tự động việc xả thải trên biển và hải đảo của các đối tượng theo quy định của Luật bảo vệ môi trường năm 2014 và Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ quy định về quản lý chất thải và phế liệu (2 điểm)

Theo quy định của Luật bảo vệ môi trường năm 2014 và Nghị định số 38/2015/NĐ-CP, trên địa bàn tỉnh hiện có 04 cơ sở hoạt động ven biển thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống quan trắc tự động được cấp phép xả nước thải vào nguồn nước (03 trường hợp xả thải ra sông ven biển và 01 trường hợp xả thải ra Đầm Thị Nại) đó là: Nhà máy xử lý nước thải Nhơn Bình của Ban Quản lý dịch vụ công ích thành phố Quy Nhơn (được cấp phép xả nước thải vào nguồn nước tại Giấy phép (Cấp lại, gia hạn lần 1) số 186/GP-BTNMT ngày 15/10/2020 của Bộ Tài nguyên và Môi trường), Nhà máy xử lý nước thải 2A của Ban Quản lý Dịch vụ công ích thành phố Quy Nhơn (được cấp phép xả nước thải vào nguồn nước tại Giấy phép số 66/GP-UBND ngày 25/9/2018 của UBND tỉnh), Hệ thống xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp Phú Tài - Long Mỹ của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Định (được cấp phép xả nước thải vào nguồn nước tại Giấy phép (Gia hạn lần 1) số 51/GP-UBND ngày 21/9/2017 của UBND tỉnh), Công trình xử lý nước thải tập trung Khu kinh tế Nhơn Hội (phân kỳ I, giai đoạn I) của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng Khu kinh tế tỉnh Bình Định (được cấp phép xả nước thải vào nguồn nước tại Giấy phép số 54/GP-UBND ngày 06/10/2017 của UBND tỉnh) (theo văn bản số 774/UBND-KT ngày 18/02/2022 của UBND tỉnh). Trong năm 2021, các đơn vị đều thực hiện báo cáo tình hình thu gom, xử lý nước thải, xả thải và các vấn đề phát sinh trong quá trình xả nước thải theo quy định cho các cơ quan quản lý nhà nước, phục vụ công tác kiểm tra, đánh giá hoạt động quan trắc việc xả thải tại các khu vực ven biển (theo văn bản số 298/BQLCI-GS ngày 15/12/2021 của Ban Quản lý dịch vụ công ích thành phố Quy Nhơn, Báo cáo số 181/BC-BQL ngày 30/11/2021 của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh, Báo cáo số 47/BC-DAGPMB ngày 27/12/2021 của Ban Quản lý dự án và Giải phóng mặt bằng Khu kinh tế tỉnh Bình Định).

Hiện nay, Nhà máy xử lý nước thải 2A, Hệ thống xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp Phú Tài - Long Mỹ và Công trình xử lý nước thải tập trung Khu kinh tế Nhơn Hội đã lắp đặt hệ thống quan trắc tự động nước thải và truyền số liệu trực tiếp cho Sở Tài nguyên và Môi trường theo quy định (theo Văn bản số 774/UBND-KT ngày 18/02/2022 của UBND tỉnh).

Nhằm phục vụ công tác theo dõi, giám sát hệ thống quan trắc tự động việc xả thải, Sở Tài nguyên và Môi trường đã triển khai xây dựng và hoàn thành nhiệm vụ “Xây dựng Hệ thống quản lý dữ liệu quan trắc tự động các nguồn thải tỉnh Bình Định” (theo Quyết định số 611/QĐ-STNMT ngày 28/12/2018 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường về việc phê duyệt kết quả nhiệm vụ).

5. Phòng ngừa, phát hiện, xử lý, khắc phục tình trạng ô nhiễm và suy thoái môi trường, các hệ sinh thái biển và hải đảo; cải thiện và phục hồi môi trường, các hệ sinh thái biển và hải đảo bị ô nhiễm và suy thoái (25 điểm)

a) Tiêu chí 5.1: kế hoạch phòng ngừa ô nhiễm, suy thoái môi trường, các hệ sinh thái biển và hải đảo (3 điểm)

Kế hoạch phòng ngừa ô nhiễm, suy thoái môi trường, các hệ sinh thái biển và hải đảo được lồng ghép trong Kế hoạch ứng phó sự cố môi trường trên địa bàn tỉnh Bình Định. Sở Tài nguyên và Môi trường đã có Quyết định số 570/QĐ-

STNMT ngày 25/12/2017 về việc phê duyệt kết quả nhiệm vụ: Xây dựng kế hoạch ứng phó sự cố môi trường trên địa bàn tỉnh Bình Định.

b) Tiêu chí 5.2: phát hiện, xử lý, khắc phục tình trạng ô nhiễm, suy thoái môi trường, các hệ sinh thái biển và hải đảo (14 điểm)

- Tiêu chí thành phần 5.2.1. Phát hiện tình trạng ô nhiễm, suy thoái môi trường, các hệ sinh thái biển và hải đảo (8 điểm): Thông qua các kết quả quan trắc hiện trạng môi trường tỉnh Bình Định, quan trắc nước biển ven bờ và trầm tích biển Bình Định, quan trắc môi trường (môi trường không khí, chất lượng trầm tích trong nước biển, môi trường nước biển ven bờ, môi trường nước dưới đất) trên địa bàn Khu kinh tế Nhơn Hội và quan trắc chất lượng môi trường nước nuôi trồng thủy sản đã rà soát, xác định được tình trạng ô nhiễm, suy thoái môi trường, các hệ sinh thái của một số khu vực biển và hải đảo (theo Văn bản số 207/UBND-KT ngày 11/02/2022 của UBND tỉnh, Báo cáo số 15/BC-UBND ngày 11/02/2022 của UBND tỉnh, Báo cáo số 181/BC-BQL ngày 30/11/2021 của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh);

- Tiêu chí thành phần 5.2.2. Xây dựng kế hoạch xử lý, khắc phục tình trạng ô nhiễm, suy thoái môi trường, các hệ sinh thái biển và hải đảo (1 điểm): Trên cơ sở đề xuất của Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND tỉnh đã chỉ đạo các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu thực hiện xử lý ô nhiễm triệt để đối với các cơ sở gây ô nhiễm môi trường, ô nhiễm môi trường nghiêm trọng trên địa bàn tỉnh (theo Văn bản số 1153/UBND-KT ngày 08/3/2021 của UBND tỉnh);

- Tiêu chí thành phần 5.2.3. Xử lý, khắc phục ô nhiễm, suy thoái môi trường, các hệ sinh thái biển và hải đảo (5 điểm): Theo Quyết định số 1788/QĐ-TTg ngày 01/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng đến năm 2020, trên địa bàn tỉnh Bình Định có Khu chế biến thủy sản tập trung Tam Quan Bắc. Kết quả thanh tra, kiểm tra giai đoạn 2016 - 2020, Tổng cục Môi trường đã xử phạt cơ sở đối với hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải theo Kết luận số 63/KL-TCMT ngày 20/02/2020. Tính đến tháng 12/2020, cơ sở đã hoàn thành xử lý triệt để ô nhiễm môi trường nghiêm trọng (Biện pháp xử lý triệt để: Xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung; Xây dựng hệ thống thu gom nước thải phát sinh từ các cơ sở sản xuất) (theo Báo cáo số 119/BC-BTNMT ngày 13/12/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường). Bên cạnh đó, theo Báo cáo công tác bảo vệ môi trường tỉnh Bình Định năm 2021, trên địa bàn tỉnh không phát sinh cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng. Đối với các cơ sở trong khu công nghiệp, không có doanh nghiệp nào nằm trong danh sách doanh nghiệp gây ô nhiễm môi trường, ô nhiễm môi trường nghiêm trọng thuộc đối tượng thanh tra, xử lý. Tuy nhiên, đối với các cơ sở nằm ngoài khu công nghiệp, trên địa bàn thành phố Quy Nhơn hiện còn 01 trường hợp thuộc đối tượng gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng là Bãi rác núi Bà Hỏa thuộc Phường Quang Trung (đã đóng cửa theo quy định từ năm 2009, đang chờ hướng dẫn rút tên của Bộ Tài nguyên và Môi trường) (theo Báo cáo số 09/BC-UBND ngày 19/01/2022 của UBND tỉnh). Thực hiện công tác bảo vệ môi trường, Sở Tài nguyên và Môi

trường đã tham mưu UBND tỉnh phối hợp với Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Phù Cát, UBND xã Cát Khánh kiểm tra thực tế, lập biên bản xử phạt vi phạm hành chính và yêu cầu Công ty TNHH Ngọc Châu (thôn An Quang Đông, xã Cát Khánh, huyện Phù Cát) thực hiện các nội dung theo hồ sơ môi trường đã được duyệt và khẩn trương tiến hành cải tạo, nâng cấp hệ thống xử lý nước thải khu nuôi tôm trên cát của Công ty để vận hành đảm bảo trước khi thải ra môi trường nhằm khắc phục tình trạng nước biển có màu đen, đục và bốc mùi tanh như các cơ quan báo chí đã phản ánh (theo Báo cáo số 362/BC-CCBVMT ngày 05/7/2021 của Chi cục Bảo vệ môi trường). Nhìn chung, công tác xử lý, khắc phục ô nhiễm, suy thoái môi trường, các hệ sinh thái biển và hải đảo được các cơ quan quản lý nhà nước và chính quyền địa phương thường xuyên tham mưu UBND tỉnh thực hiện, tuy nhiên, vẫn chưa xử lý được hoàn toàn tình trạng ô nhiễm, suy thoái môi trường hiện nay.

c) Tiêu chí 5.3: cải thiện và phục hồi môi trường, các hệ sinh thái biển và hải đảo bị ô nhiễm và suy thoái (8 điểm)

- Tiêu chí thành phần 5.3.1. Xây dựng kế hoạch cải thiện, phục hồi môi trường, các hệ sinh thái biển và hải đảo bị ô nhiễm và suy thoái (1 điểm): Sở Tài nguyên và Môi trường đã tham mưu UBND tỉnh phê duyệt Quy hoạch Bảo tồn đa dạng sinh học tỉnh Bình Định đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 (tại Quyết định số 4906/QĐ-UBND ngày 28/12/2017 của UBND tỉnh), ban hành Kế hoạch số 78/KH-UBND ngày 27/12/2018 về thực hiện Phong trào “Chống rác thải nhựa” trên địa bàn tỉnh, Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động số 22-CTr/TU ngày 29/7/2019 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22/10/2018 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (tại Quyết định số 465/QĐ-UBND ngày 17/02/2020 của UBND tỉnh) và Kế hoạch hành động về quản lý rác thải nhựa đại dương đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh (tại Quyết định số 470/QĐ-UBND ngày 18/02/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh).

- Tiêu chí thành phần 5.3.2. Thực hiện kế hoạch cải thiện và phục hồi môi trường, các hệ sinh thái biển và hải đảo bị ô nhiễm và suy thoái (7 điểm): Trong năm 2021, thực hiện Kế hoạch số 78/KH-UBND ngày 27/12/2018 của UBND tỉnh và Quyết định số 470/QĐ-UBND ngày 18/02/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh, các cơ quan, đơn vị liên quan đã tham mưu UBND tỉnh triển khai một số hoạt động chống rác thải nhựa trên địa bàn ven biển bao gồm: xây dựng và thực hiện mô hình bãi biển du lịch sạch không rác thải nhựa ở xã Nhơn Lý; mô hình phân loại rác thải tại nguồn ở xã Nhơn Châu, Nhơn Lý; mô hình tổ phụ nữ thu gom rác thải ở xã Nhơn Lý, Nhơn Hải, Nhơn Châu và phường Ghềnh Ráng; mô hình nhà hàng thân thiện không sử dụng đồ nhựa một lần (thuộc Dự án “Nâng cao năng lực quản lý và ý thức bảo vệ môi trường của cộng đồng địa phương, xây dựng mô hình cộng đồng thu gom, phân loại, xử lý nhằm giảm thiểu rác thải nhựa tại các xã, phường ven biển thuộc Vịnh Quy Nhơn, tỉnh Bình Định”); hỗ trợ thùng đựng rác tại các xã ven biển huyện Phù Cát; hỗ trợ 35 thùng chuyên dụng chứa rác thải sinh hoạt cho 04 xã ven biển trên địa bàn Khu kinh tế Nhơn Hội; thực hiện thu gom rác thải tại một số vị trí trên địa bàn Khu kinh tế Nhơn

Hội (theo Báo cáo số 15/BC-UBND ngày 11/02/2022 của UBND tỉnh). Thực hiện Quyết định số 4906/QĐ-UBND ngày 28/12/2017 của UBND tỉnh và Quyết định số 465/QĐ-UBND ngày 17/02/2020 của UBND tỉnh, các cơ quan, đơn vị liên quan đã tham mưu UBND tỉnh triển khai một số hoạt động nhằm bảo vệ, bảo tồn, phục hồi các hệ sinh thái biển bao gồm: tiếp tục triển khai thực hiện phong trào thi đua “Toàn dân tham gia bảo vệ nguồn lợi thủy sản” tại 31 xã, phường ven đầm, ven biển (theo Báo cáo số 1724/BC-TS ngày 31/12/2021 của Chi cục Thủy sản); công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng thực hiện đồng quản lý trong bảo vệ nguồn lợi thủy sản tại khu vực biển Hòn Nhân, phường Ghềnh Ráng (theo Quyết định số 800/QĐ-UBND ngày 08/02/2021 của UBND thành phố Quy Nhơn) và khu vực biển Bãi Trước, xã Nhơn Châu, thành phố Quy Nhơn (theo Quyết định số 806/QĐ-UBND ngày 08/02/2021 của UBND thành phố Quy Nhơn).

6. Ứng phó, khắc phục sự cố môi trường biển (11 điểm)

a) Tiêu chí 6.1: chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường biển (3 điểm)

- Tiêu chí thành phần 6.1.1. Kế hoạch ứng phó sự cố môi trường biển (1 điểm): UBND tỉnh đã chỉ đạo các sở, ban, ngành và đơn vị liên quan tham mưu xây dựng các kế hoạch liên quan ứng phó sự cố môi trường biển bao gồm: Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu tỉnh Bình Định (được Chủ tịch Ủy ban Quốc gia Tìm kiếm cứu nạn phê duyệt tại Quyết định số 174/QĐ-UB ngày 26/5/2014), đồng thời thực hiện báo cáo Văn phòng Ủy ban Quốc gia Ứng phó sự cố, thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn (trước đây là Ủy ban Quốc gia Tìm kiếm cứu nạn) các nội dung điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch theo Quyết định số 133/QĐ-TTg ngày 17/01/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch Quốc gia ứng phó sự cố tràn dầu tại văn bản số 3638/UBND-KT ngày 05/6/2020 của UBND tỉnh, theo đó đã xác định Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai - Tìm kiếm cứu nạn và Phòng thủ dân sự tỉnh (trước đây là Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh) lãnh đạo, chỉ đạo công tác ứng phó sự cố tràn dầu trên địa bàn tỉnh và Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh là cơ quan thường trực ứng phó sự cố tràn dầu cấp tỉnh; Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất trên địa bàn tỉnh Bình Định (Bản cập nhật năm 2021) (được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 5034/QĐ-UBND ngày 17/12/2021); Kế hoạch ứng phó sự cố bức xạ, sự cố hạt nhân trên địa bàn tỉnh Bình Định (được Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt tại Quyết định số 3405/QĐ-BKH-CN ngày 04/12/2017).

- Tiêu chí thành phần 6.1.2. Kế hoạch ứng phó sự cố môi trường biển của cơ sở, tổ chức, cá nhân (2 điểm): Tính đến thời điểm ngày 31/12/2021, UBND tỉnh đã phê duyệt Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của 05 cảng, cơ sở, bao gồm: Cảng Xăng dầu Quy Nhơn của Công ty Xăng dầu Bình Định (tại Quyết định số 841/QĐ-UBND ngày 05/4/2013), Cảng Quy Nhơn của Công ty TNHH MTV Cảng Quy Nhơn (tại Quyết định số 1822/QĐ-UBND ngày 10/7/2013), Bến phao dầu An Phú thuộc Công ty Cổ phần PETEC Bình Định (tại Quyết định số 3364/QĐ-UBND ngày 22/9/2016), Cảng Thị Nại của Công ty Cổ phần Cảng Thị

Nại (tại Quyết định số 2928/QĐ-UBND ngày 14/8/2017) và Cảng Tân Cảng Miền Trung của Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn (tại Quyết định số 4125/QĐ-UBND ngày 06/11/2019). Ngoài ra, có 02 cơ sở hoạt động ven biển được phê duyệt Kế hoạch Ứng phó sự cố bức xạ và hạt nhân, cụ thể là: Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bình Định và Bệnh viện Quân y 13 - Quân khu 5 (theo văn bản số 20/SKH-CN ngày 11/01/2022 của Sở Khoa học và Công nghệ).

b) Tiêu chí 6.2: phát hiện, ứng phó, khắc phục sự cố môi trường biển (7 điểm)

Trong năm 2021, trên địa bàn tỉnh Bình Định không xảy ra sự cố môi trường biển (sự cố tràn dầu, hóa chất độc, phóng xạ) (theo Báo cáo số 15/BC-UBND ngày 11/02/2022 của UBND tỉnh).

c) Tiêu chí 6.3: kiểm tra, giám sát tổ chức thực hiện kế hoạch ứng phó sự cố môi trường biển (1 điểm)

Về công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của các tổ chức kinh doanh khai thác cảng biển thuộc thẩm quyền quản lý, Cảng vụ Hàng hải Quy Nhơn thường xuyên kiểm tra việc tổ chức triển khai kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu tại các doanh nghiệp cảng, đơn vị cung ứng nhiên liệu theo kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu đã được duyệt (theo Văn bản số 28/CVHHQNh-TT&ATANHH ngày 12/01/2022 của Cảng vụ Hàng hải Quy Nhơn). Về công tác kiểm tra, giám sát việc tổ chức thực hiện Kế hoạch Ứng phó sự cố bức xạ và hạt nhân trên địa bàn tỉnh, đối với các cơ sở X-quang nộp hồ sơ cấp mới hoặc gia hạn giấy phép đều được kiểm tra việc thực hiện Kế hoạch Ứng phó sự cố bức xạ và hạt nhân (theo Văn bản số 20/SKH-CN ngày 11/01/2022 của Sở Khoa học và Công nghệ). Trong năm 2021, không có trường hợp vi phạm thực hiện Kế hoạch ứng phó sự cố bức xạ và hạt nhân. Nhìn chung, các đối tượng phải lập kế hoạch ứng phó sự cố môi trường biển vẫn chưa xây dựng các kế hoạch đầy đủ nên công tác kiểm tra, giám sát việc tổ chức thực hiện kế hoạch vẫn chưa đảm bảo hoàn toàn.

7. Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục nâng cao nhận thức pháp luật về bảo vệ môi trường biển và hải đảo (8 điểm)

a) Tiêu chí 7.1: kế hoạch tuyên truyền, phổ biến, giáo dục nâng cao nhận thức pháp luật về bảo vệ môi trường biển và hải đảo (1 điểm)

Kế hoạch tuyên truyền, phổ biến, giáo dục nâng cao nhận thức pháp luật về bảo vệ môi trường biển và hải đảo được thực hiện thông qua Kế hoạch hành động về quản lý rác thải nhựa đại dương đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh (theo Quyết định số 470/QĐ-UBND ngày 18/02/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh), Kế hoạch số 13/KH-STNMT ngày 04/3/2021 của Sở Tài nguyên và Môi trường về công tác phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2021 và Kế hoạch số 10/KH-BQL ngày 16/4/2021 của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh về phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2021.

b) Tiêu chí 7.2: kết quả thực hiện các hoạt động tuyên truyền, phổ biến, giáo dục nâng cao nhận thức pháp luật về bảo vệ môi trường biển và hải đảo (5 điểm)

Thực hiện Quyết định số 470/QĐ-UBND ngày 18/02/2020 của UBND tỉnh, Kế hoạch số 10/KH-STNMT ngày 03/3/2020 của Sở Tài nguyên và Môi trường và Kế hoạch số 07/KH-BQL ngày 24/02/2020 của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường và Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh đã chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương liên quan hoàn thành 100% nhiệm vụ đề ra (theo Báo cáo số 198/BC-STNMT ngày 10/11/2021 của Sở Tài nguyên và Môi trường và Báo cáo số 181/BC-BQL ngày 30/11/2021 của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh).

Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì thực hiện một số hoạt động sau:

- Tổ chức tập huấn Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10/02/2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển.

- In và treo băng rôn, vi nhép tuyên truyền hưởng ứng Tuần lễ Biển và Hải đảo Việt Nam, Ngày Đại dương thế giới năm 2021 trên địa bàn thành phố Quy Nhơn, thị xã Hoài Nhơn và 03 huyện Phù Cát, Tuy Phước, Phù Mỹ.

- Dựng pano tuyên truyền bảo vệ tài nguyên và môi trường biển, hải đảo tại các trường tiểu học trên địa bàn thị xã Hoài Nhơn, huyện Phù Mỹ, Phù Cát, Tuy Phước;

- Hỗ trợ thùng đựng rác tại các xã ven biển huyện Phù Cát.

Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh chủ trì thực hiện một số nhiệm vụ sau:

- Tổ chức treo 44 băng rôn tại các tuyến đường trong Khu kinh tế Nhơn Hội, các Khu công nghiệp và in 380 tờ áp phích gửi trực tiếp đến các doanh nghiệp để tuyên truyền các sự kiện môi trường lớn trong năm như: Ngày Môi trường thế giới (05/6), Ngày Đại dương thế giới, Tuần lễ Biển và Hải đảo Việt Nam, Chiến dịch làm cho thế giới sạch hơn; Xây dựng mới, sửa chữa 12 pano tuyên truyền công tác bảo vệ môi trường cho các doanh nghiệp tại Khu kinh tế Nhơn Hội và các Khu công nghiệp.

- Hỗ trợ 35 thùng đựng rác thải sinh hoạt cho 04 xã ven biển trên địa bàn Khu kinh tế Nhơn Hội, góp phần nâng cao nhận thức của người dân trong việc thu gom rác thải tại các khu dân cư, tạo điểm nhấn cho phát triển du lịch tại Khu kinh tế.

- Đăng hơn 25 bài viết có nội dung phản ánh thực trạng công tác quản lý, bảo vệ môi trường tại các doanh nghiệp trên Bản tin Khu kinh tế xuất bản định kỳ và trên website của Ban Quản lý Khu kinh tế để truyền đạt thông tin, giúp doanh nghiệp nắm bắt, cập nhật các quy định về công tác bảo vệ môi trường.

c) Tiêu chí 7.3: hình thức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục nâng cao nhận thức pháp luật về bảo vệ môi trường biển và hải đảo (2 điểm)

Trong năm 2021, Sở Tài nguyên và Môi trường đã triển khai 04 hình thức tuyên truyền và Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh đã triển khai 03 hình thức tuyên truyền (được trình bày tại Tiêu chí 7.2).

8. Thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về tài nguyên, môi trường biển và hải đảo, giải quyết khiếu nại tố cáo (10 điểm)

a) Tiêu chí 8.1: thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về tài nguyên, môi trường biển và hải đảo (7 điểm)

- Tiêu chí thành phần 8.1.1. Xây dựng kế hoạch thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về tài nguyên, môi trường biển và hải đảo (1 điểm): Trong năm 2021, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường đã phê duyệt Kế hoạch thanh tra, kiểm tra năm 2021 tại các Quyết định số 105/QĐ-STNMT ngày 08/02/2021, Quyết định số 681/QĐ-STNMT ngày 15/9/2021 và Quyết định số 887/QĐ-STNMT ngày 09/12/2021. Bên cạnh đó, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh cũng đã gửi văn bản thông báo kế hoạch kiểm tra việc trám lấp, cách ly các giếng khoan khai thác nước dưới đất trái phép trên mặt bằng các dự án trên địa bàn Khu kinh tế Nhơn Hội (theo văn bản số 281/BQL-QLTNMT ngày 10/3/2021 của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh).

- Tiêu chí thành phần 8.1.2. Thực hiện kế hoạch thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về tài nguyên, môi trường biển và hải đảo (2 điểm): Thực hiện theo Kế hoạch thanh tra, kiểm tra năm 2021 và đột xuất theo chỉ đạo của cấp trên, Sở Tài nguyên và Môi trường đã tổ chức 28 cuộc kiểm tra để xem xét, đánh giá tình hình chấp hành pháp luật trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường của các tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh (80 tổ chức, cá nhân được kiểm tra) (theo Báo cáo số 199/BC-STNMT ngày 11/11/2021 của Sở Tài nguyên và Môi trường). Trường hợp kiểm tra việc chấp hành các quy định về tài nguyên nước có đối tượng hoạt động ven biển là Ban Quản lý Cụm Công nghiệp Hoài Nhơn (thôn Thiện Chánh I, phường Tam Quan Bắc, thị xã Hoài Nhơn) (theo Quyết định số 781/QĐ-STNMT ngày 20/10/2021 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường). Trường hợp kiểm tra việc quản lý và sử dụng đất đai đối với các dự án dọc tuyến đường Quy Nhơn - Sông Cầu, phường Ghềnh Ráng, thành phố Quy Nhơn bao gồm 05 dự án đã đầu tư xây dựng xong, đã đưa vào khai thác sử dụng (Khu du lịch Aurora, Khu du lịch Casa Marina Resort, Khu du lịch Bãi Dài Quy Nhơn, Khu du lịch sinh thái nông trại xanh Long Hill - Bãi Xếp, Khu du lịch điểm số 3), 13 dự án đang triển khai xây dựng, 06 điểm du lịch chưa có nhà đầu tư, chưa thực hiện và các cá nhân sử dụng đất dọc tuyến Quy Nhơn - Sông Cầu (theo Quyết định số 811/QĐ-STNMT ngày 01/11/2021 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường và Báo cáo số 124/BC-STNMT ngày 22/6/2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường). Trường hợp kiểm tra lĩnh vực bảo vệ môi trường trong thực hiện công tác kiểm soát ô nhiễm có đối tượng hoạt động ven biển là Công ty Cổ phần phát triển đầu tư xây dựng và Du lịch An Phú Thịnh (Chung cư An Phú Thịnh Garden Tower). Bên cạnh đó, Sở Tài nguyên và Môi trường đã chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan kiểm tra đột xuất 02 cơ sở nuôi tôm trên cát (dự án nuôi tôm tại xã Cát Khánh, huyện Phù Cát của

Công ty TNHH Ngọc Châu và dự án nuôi tôm tại xã Mỹ Thành, huyện Phù Mỹ của Công ty TNHH Việt Úc - Phù Mỹ) (theo văn bản số 22/CCBVMT-THTĐ ngày 11/01/2022 của Chi cục Bảo vệ môi trường). Ngoài ra, Sở Tài nguyên và Môi trường đã phối hợp với Cục Bảo vệ môi trường miền Trung và Tây Nguyên thực hiện điều tra, đánh giá công tác bảo vệ môi trường tại các cảng cá trên địa bàn tỉnh (theo Báo cáo số 65/BC-MTMTTN ngày 29/11/2021 của Cục Bảo vệ môi trường miền Trung và Tây Nguyên). Thực hiện thông báo kế hoạch kiểm tra việc trám lấp, cách ly các giếng khoan khai thác nước dưới đất trái phép trên mặt bằng các dự án trên địa bàn Khu kinh tế Nhơn Hội, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh đã tiến hành kiểm tra tại các doanh nghiệp liên quan (Công ty Cổ phần Bê tông Nhơn Hội, Công ty TNHH D Pack, Công ty Cổ phần Mỹ nghệ Bình Định, Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Xây dựng Hải Minh, Công ty TNHH Kính Vĩnh Khang, Công ty Cổ phần Công nghệ mới Thiên Phúc, Công ty Cổ phần Sản xuất Đầu tư Dịch vụ Long Vạn Phát). Kết quả, các doanh nghiệp đã nghiêm túc chấp hành việc trám lấp, cách ly các giếng khoan hiện có trong mặt bằng và sử dụng nguồn nước cấp tập trung theo quy định. Bên cạnh đó, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh đã thực hiện công tác kiểm tra một số lĩnh vực liên quan: Về lĩnh vực đất đai, tổ chức kiểm tra tiến độ thực hiện dự án đầu tư và tiến độ sử dụng đất tại 17 dự án trên địa bàn Khu kinh tế Nhơn Hội. Duy trì hoạt động Tổ công tác liên ngành hỗ trợ công tác chống lấn, chiếm đất đai, xây dựng trái phép trên địa bàn Khu kinh tế Nhơn Hội. Về lĩnh vực khoáng sản, duy trì hoạt động Tổ công tác chống khai thác, vận chuyển cát trái phép trên địa bàn Khu kinh tế Nhơn Hội. Về lĩnh vực môi trường, phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức 07 đợt kiểm tra, 14 đợt phúc tra việc tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường tại 07 doanh nghiệp. Qua đó đã kịp thời chấn chỉnh, hướng dẫn các doanh nghiệp hoàn thành việc khắc phục các tồn tại về bảo vệ môi trường theo quy định (theo Báo cáo số 207/BC-BQL ngày 31/12/2021 của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh).

- Tiêu chí thành phần 8.1.3. Xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về tài nguyên, môi trường biển và hải đảo qua thanh tra, kiểm tra (3 điểm) và Tiêu chí thành phần 8.1.4. Kiểm tra việc thực hiện các kết luận thanh tra (1 điểm): Về kết quả công tác thanh tra, kiểm tra của Sở Tài nguyên và Môi trường, trên cơ sở kết quả kiểm tra và phát hiện hành vi vi phạm, Chánh Thanh tra Sở đã ban hành 11 Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với 10 tổ chức và 01 cá nhân có hành vi vi phạm trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường, với tổng số tiền xử phạt vi phạm hành chính là 664.500.000 đồng; Sở Tài nguyên và Môi trường đã tham mưu UBND tỉnh ban hành 04 Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với 02 tổ chức, 02 cá nhân có vi phạm trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường, tổng số tiền xử phạt là 2.503.052.000 đồng (01 Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khoáng sản, 03 Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường) (theo Báo cáo số 199/BC-STNMT ngày 11/11/2021 của Sở Tài nguyên và Môi trường). Trong đó, có trường hợp Công ty TNHH Ngọc Châu bị xử phạt 70 triệu đồng đối với hành vi không thực hiện đúng hồ sơ môi trường đã được phê duyệt (theo văn bản số 22/CCBVMT-THTĐ

ngày 11/01/2022 của Chi cục Bảo vệ môi trường). Về kết quả công tác kiểm tra của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh trên địa bàn Khu kinh tế Nhơn Hội, đối với lĩnh vực đất đai đã phát hiện và xử lý 03 trường hợp lấn chiếm đất đai, xây dựng trái phép trên địa bàn Khu kinh tế; đối với lĩnh vực khoáng sản đã kịp thời phát hiện, bắt giữ 20 trường hợp khai thác, vận chuyển cát trái phép, hiện đã xử lý 19 trường hợp với tổng số tiền phạt 81.200.000 đồng, 01 trường hợp chính quyền địa phương đang hoàn thiện thủ tục để xử lý theo quy định; đối với lĩnh vực môi trường, trong năm có 02 doanh nghiệp bị cấp có thẩm quyền ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính về bảo vệ môi trường (theo hồ sơ vi phạm đã được Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh tổng hợp, đề xuất xử phạt trong năm 2020) (theo Báo cáo số 207/BC-BQL ngày 31/12/2021 của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh). Trong năm 2021, các kết luận thanh tra đối với các đối tượng vi phạm pháp luật đều được kiểm tra việc thực hiện theo quy định.

b) Tiêu chí 8.2: giải quyết khiếu nại, tố cáo về tài nguyên, môi trường biển và hải đảo (3 điểm)

Trong năm 2021, Sở Tài nguyên và Môi trường đã tiếp nhận 170 đơn, vụ việc khiếu nại và 06 đơn, vụ việc tố cáo, không có đơn, vụ việc liên quan lĩnh vực tài nguyên, môi trường biển và hải đảo (theo Báo cáo số 199/BC-STNMT ngày 11/11/2021 của Sở Tài nguyên và Môi trường). Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh đã tiếp nhận 15 đơn khiếu nại (không nhận được đơn tố cáo) đều liên quan đến công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng và tái định cư để xây dựng các dự án trong Khu kinh tế Nhơn Hội và các Khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh, không có đơn liên quan lĩnh vực tài nguyên, môi trường biển và hải đảo (theo Báo cáo số 157/BC-BQL ngày 02/11/2021 của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh)/.

Phụ lục II

BỘ CHỈ SỐ, NỘI DUNG, TIÊU CHÍ, TIÊU CHÍ THÀNH PHẦN ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KIỂM SOÁT Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG BIỂN VÀ HẢI ĐẢO NĂM 2021 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH ĐỊNH

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định)

TT	Nội dung (ND)/Tiêu chí (TC)/Tiêu chí thành phần (TCTP)	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Chỉ số	Ghi chú
ND 1	CÔNG TÁC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH KIỂM SOÁT Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG BIỂN VÀ HẢI ĐẢO	8	8	100%	Tốt
TC 1.1	Công tác ban hành văn bản lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành kiểm soát ô nhiễm môi trường biển và hải đảo	5	5		
TCTP 1.1.1	Xây dựng kế hoạch, nhiệm vụ kiểm soát ô nhiễm môi trường biển và hải đảo	1	1		
-	Có kế hoạch, nhiệm vụ chi tiết các nội dung kiểm soát ô nhiễm môi trường biển và hải đảo hoặc có chi tiết các nội dung kiểm soát ô nhiễm môi trường biển và hải đảo lồng ghép trong kế hoạch, nhiệm vụ của năm	1	1		
-	Không có kế hoạch, nhiệm vụ chi tiết các nội dung kiểm soát ô nhiễm môi trường biển và hải đảo hoặc không có chi tiết các nội dung kiểm soát ô nhiễm môi trường biển và hải đảo lồng ghép trong kế hoạch, nhiệm vụ của năm	0			
TCTP 1.1.2	Lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện kế hoạch, nhiệm vụ kiểm soát ô nhiễm môi trường biển và hải đảo theo kế hoạch, nhiệm vụ của năm	4	4		
-	Lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện đạt từ 80% đến 100% nhiệm vụ trong kế hoạch, nhiệm vụ của năm	4	4		
-	Lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện đạt từ 50% đến dưới 80% nhiệm vụ trong kế hoạch, nhiệm vụ của năm	2			

TT	Nội dung (ND)/Tiêu chí (TC)/Tiêu chí thành phần (TCTP)	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Chỉ số	Ghi chú
-	Lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện đạt từ 30% đến dưới 50% nhiệm vụ trong kế hoạch, nhiệm vụ của năm	1			
-	Lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện đạt dưới 30% nhiệm vụ trong kế hoạch, nhiệm vụ của năm	0			
TC 1.2	Đánh giá kết quả lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành kiểm soát ô nhiễm môi trường biển và hải đảo	3	3		
TCTP 1.2.1	Tổ chức đánh giá kết quả lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành kiểm soát ô nhiễm môi trường biển và hải đảo	2	2		
-	Có thực hiện đánh giá kết quả lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành kiểm soát ô nhiễm môi trường biển và hải đảo	2	2		
-	Không thực hiện đánh giá kết quả lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành kiểm soát ô nhiễm môi trường biển và hải đảo	0			
TCTP 1.2.2	Giải pháp khắc phục tồn tại, yếu kém	1	1		
-	Có các giải pháp khắc phục tồn tại, yếu kém trong lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành về kiểm soát ô nhiễm môi trường biển và hải đảo	1	1		
-	Không có các giải pháp khắc phục tồn tại, yếu kém trong lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành về kiểm soát ô nhiễm môi trường biển và hải đảo	0			
ND 2	RÀ SOÁT, HỆ THỐNG HÓA; THEO DÕI, KIỂM TRA TÌNH HÌNH THI HÀNH VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT VỀ KIỂM SOÁT Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG BIỂN VÀ HẢI ĐẢO	8	8	100%	Tốt
TC 2.1	Rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật về kiểm soát ô nhiễm môi trường biển và hải đảo	2	2		

TT	Nội dung (ND)/Tiêu chí (TC)/Tiêu chí thành phần (TCTP)	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Chỉ số	Ghi chú
-	Có thực hiện việc rà soát, hệ thống hóa các văn bản quy phạm pháp luật	2	2		
-	Không thực hiện rà soát, hệ thống hóa các văn bản quy phạm pháp luật	0			
TC 2.2	Xử lý kết quả rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật về kiểm soát ô nhiễm môi trường biển và hải đảo	3	3		
-	Không xử lý do không phát hiện bất cập, chồng chéo qua rà soát, hệ thống hóa và không có kiến nghị của cơ quan, tổ chức, cá nhân	3	3		
-	Đã xử lý đạt từ 80% đến 100% các phát hiện chồng chéo, bất cập qua rà soát, hệ thống hóa hoặc theo kiến nghị của cơ quan, tổ chức, cá nhân	3			
-	Đã xử lý đạt từ 50% đến dưới 80% các phát hiện chồng chéo, bất cập qua rà soát, hệ thống hóa hoặc theo kiến nghị của cơ quan, tổ chức, cá nhân	2			
-	Đã xử lý đạt dưới 50% các phát hiện chồng chéo, bất cập qua rà soát, hệ thống hóa hoặc theo kiến nghị của cơ quan, tổ chức, cá nhân	0			
TC 2.3	Theo dõi, kiểm tra tình hình thi hành văn bản quy phạm pháp luật về kiểm soát ô nhiễm môi trường biển và hải đảo	3	3		
-	Đã thực hiện theo dõi, kiểm tra tình hình thi hành các văn bản quy phạm pháp luật về kiểm soát ô nhiễm môi trường biển và hải đảo và đã xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý khi phát hiện các trường hợp vi phạm	3	3		
-	Không thực hiện theo dõi, kiểm tra tình hình thi hành các văn bản quy phạm pháp luật về kiểm soát ô nhiễm môi trường biển và hải đảo	0			
ND 3	ĐIỀU TRA, THỐNG KÊ, PHÂN LOẠI, ĐÁNH GIÁ CÁC NGUỒN THẢI TỪ ĐẤT LIỀN, TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG TRÊN BIỂN VÀ HẢI ĐẢO; TÌNH TRẠNG Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG BIỂN VÀ HẢI ĐẢO	12	10	83,3%	Khá

TT	Nội dung (ND)/Tiêu chí (TC)/Tiêu chí thành phần (TCTP)	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Chỉ số	Ghi chú
TC 3.1	Điều tra, thống kê, phân loại, đánh giá các nguồn thải từ đất liền, từ các hoạt động trên biển và hải đảo	8	6		
TCTP 3.1.1	Xây dựng kế hoạch điều tra, thống kê, phân loại, đánh giá các nguồn thải từ đất liền, từ các hoạt động trên biển và hải đảo thuộc lĩnh vực quản lý	1	1		
-	Có kế hoạch điều tra, thống kê, phân loại, đánh giá các nguồn thải từ đất liền, từ các hoạt động trên biển và hải đảo thuộc lĩnh vực quản lý	1	1		
-	Không có kế hoạch điều tra, thống kê, phân loại, đánh giá các nguồn thải từ đất liền, từ các hoạt động trên biển và hải đảo thuộc lĩnh vực quản lý	0			
TCTP 3.1.2	Tổ chức thực hiện kế hoạch điều tra, thống kê, phân loại, đánh giá các nguồn thải từ đất liền, từ các hoạt động trên biển và hải đảo thuộc lĩnh vực quản lý	6	4		
-	Tổ chức thực hiện đạt từ 80% đến 100% kế hoạch điều tra, thống kê, phân loại, đánh giá các nguồn thải từ đất liền, từ các hoạt động trên biển và hải đảo thuộc lĩnh vực quản lý	6			
-	Tổ chức thực hiện đạt từ 50% đến dưới 80% kế hoạch điều tra, thống kê, phân loại, đánh giá các nguồn thải từ đất liền, từ các hoạt động trên biển và hải đảo thuộc lĩnh vực quản lý	4	4		
-	Tổ chức thực hiện đạt từ 30% đến dưới 50% kế hoạch điều tra, thống kê, phân loại, đánh giá các nguồn thải từ đất liền, từ các hoạt động trên biển và hải đảo thuộc lĩnh vực quản lý	2			
-	Tổ chức thực hiện đạt dưới 30% kế hoạch điều tra, thống kê, phân loại, đánh giá các nguồn thải từ đất liền, từ các hoạt động trên biển và hải đảo thuộc lĩnh vực quản lý	0			
TCTP 3.1.3	Báo cáo kết quả điều tra, thống kê, phân loại, đánh giá các nguồn thải từ đất	1	1		

TT	Nội dung (ND)/Tiêu chí (TC)/Tiêu chí thành phần (TCTP)	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Chỉ số	Ghi chú
	liên, từ các hoạt động trên biển và hải đảo				
-	Có báo cáo kết quả điều tra, thống kê, phân loại, đánh giá các nguồn thải từ đất liền, từ các hoạt động trên biển và hải đảo	1	1		
-	Không có báo cáo kết quả điều tra, thống kê, phân loại, đánh giá các nguồn thải từ đất liền, từ các hoạt động trên biển và hải đảo	0			
TC 3.2	Đánh giá tình trạng ô nhiễm môi trường biển và hải đảo	4	4		
TCTP 3.2.1	Đánh giá mức độ ô nhiễm môi trường biển và hải đảo do các hoạt động thuộc phạm vi lĩnh vực quản lý	3	3		
-	Đã đánh giá mức độ ô nhiễm môi trường biển và hải đảo do các hoạt động thuộc phạm vi lĩnh vực quản lý gây ra	3	3		
-	Chưa đánh giá mức độ ô nhiễm môi trường biển và hải đảo do các hoạt động thuộc phạm vi lĩnh vực quản lý gây ra	0			
TCTP 3.2.2	Đề xuất, kiến nghị các giải pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường biển và hải đảo	1	1		
-	Có đề xuất, kiến nghị các giải pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường biển và hải đảo do các hoạt động thuộc phạm vi lĩnh vực quản lý gây ra	1	1		
-	Chưa có đề xuất, kiến nghị các giải pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường biển và hải đảo do các hoạt động thuộc phạm vi, lĩnh vực quản lý gây ra	0			
ND 4	ĐỊNH KỲ QUAN TRẮC VÀ ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG CHẤT LƯỢNG NƯỚC, TRẦM TÍCH VÀ ĐA DẠNG SINH HỌC CỦA CÁC KHU VỰC BIỂN VÀ HẢI ĐẢO	12	11	91,6%	Tốt
TC 4.1	Xây dựng chương trình định kỳ quan trắc chất lượng nước, trầm tích và	1	1		

TT	Nội dung (ND)/Tiêu chí (TC)/Tiêu chí thành phần (TCTP)	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Chỉ số	Ghi chú
	đa dạng sinh học của các khu vực biển và hải đảo				
-	Có chương trình định kỳ quan trắc chất lượng nước, trầm tích và đa dạng sinh học của các khu vực biển và hải đảo	1	1		
-	Không có chương trình định kỳ quan trắc chất lượng nước, trầm tích và đa dạng sinh học của các khu vực biển và hải đảo	0			
TC 4.2	Tổ chức định kỳ quan trắc chất lượng nước của các khu vực biển và hải đảo	2	2		
-	Tổ chức thực hiện đạt từ 80% đến 100% chương trình quan trắc chất lượng nước của các khu vực biển và hải đảo	2	2		
-	Tổ chức thực hiện đạt từ 50% đến dưới 80% chương trình quan trắc chất lượng nước của các khu vực biển và hải đảo	1,5			
-	Tổ chức thực hiện đạt từ 30% đến dưới 50% chương trình quan trắc chất lượng nước của các khu vực biển và hải đảo	1			
-	Tổ chức thực hiện đạt dưới 30% chương trình quan trắc chất lượng nước của các khu vực biển và hải đảo	0			
TC 4.3	Tổ chức định kỳ đánh giá hiện trạng chất lượng nước của các khu vực biển và hải đảo	1	1		
-	Có tổ chức định kỳ đánh giá hiện trạng chất lượng nước của các khu vực biển và hải đảo	1	1		
	Không tổ chức đánh giá hiện trạng chất lượng nước của các khu vực biển và hải đảo	0			
TC 4.4	Tổ chức định kỳ quan trắc chất lượng trầm tích của các khu vực biển và	2	2		

TT	Nội dung (ND)/Tiêu chí (TC)/Tiêu chí thành phần (TCTP)	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Chỉ số	Ghi chú
	hải đảo				
-	Tổ chức thực hiện đạt từ 80% đến 100% chương trình quan trắc chất lượng trầm tích của các khu vực biển và hải đảo	2	2		
-	Tổ chức thực hiện đạt từ 50% đến dưới 80% chương trình quan trắc chất lượng trầm tích của các khu vực biển và hải đảo	1,5			
-	Tổ chức thực hiện đạt từ 30% đến dưới 50% chương trình quan trắc chất lượng trầm tích của các khu vực biển và hải đảo	1			
-	Tổ chức thực hiện đạt dưới 30% chương trình quan trắc chất lượng trầm tích của các khu vực biển và hải đảo	0			
TC 4.5	Tổ chức định kỳ đánh giá hiện trạng chất lượng trầm tích của các khu vực biển và hải đảo	1	1		
-	Có tổ chức định kỳ đánh giá hiện trạng chất lượng trầm tích của các khu vực biển và hải đảo	1	1		
-	Không tổ chức đánh giá hiện trạng chất lượng trầm tích của các khu vực biển và hải đảo	0			
TC 4.6	Tổ chức định kỳ quan trắc đa dạng sinh học của các khu vực biển và hải đảo	2	1		
-	Tổ chức thực hiện đạt từ 80% đến 100% chương trình quan trắc đa dạng sinh học của các khu vực biển và hải đảo	2			
-	Tổ chức thực hiện đạt từ 50% đến dưới 80% chương trình quan trắc đa dạng sinh học của các khu vực biển và hải đảo	1,5			
-	Tổ chức thực hiện đạt từ 30% đến dưới 50% chương trình quan trắc đa dạng	1	1		

TT	Nội dung (ND)/Tiêu chí (TC)/Tiêu chí thành phần (TCTP)	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Chỉ số	Ghi chú
	sinh học của các khu vực biển và hải đảo				
-	Tổ chức thực hiện đạt dưới 30% chương trình quan trắc đa dạng sinh học của các khu vực biển và hải đảo	0	0		
TC 4.7	Tổ chức định kỳ đánh giá hiện trạng đa dạng sinh học của các khu vực biển và hải đảo	1	1		
-	Có tổ chức định kỳ đánh giá hiện trạng đa dạng sinh học của các khu vực biển và hải đảo	1	1		
-	Không tổ chức đánh giá hiện trạng đa dạng sinh học của các khu vực biển và hải đảo	0			
TC 4.8	Tổ chức kiểm tra, đánh giá hoạt động hệ thống quan trắc tự động việc xả thải trên biển và hải đảo của các đối tượng theo quy định của Luật bảo vệ môi trường 2014 và Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ quy định về quản lý chất thải và phế liệu	2	2		
-	Kiểm tra, đánh giá hoạt động hệ thống quan trắc tự động việc xả thải trên biển và hải đảo của từ 80% đến 100% các đối tượng theo quy định của Luật bảo vệ môi trường 2014 và Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ quy định về quản lý chất thải và phế liệu	2	2		
-	Kiểm tra, đánh giá hoạt động hệ thống quan trắc tự động việc xả thải trên biển và hải đảo của từ 50% đến dưới 80% các đối tượng theo quy định của Luật bảo vệ môi trường 2014 và Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ quy định về quản lý chất thải và phế liệu	1,5			
-	Kiểm tra, đánh giá hoạt động hệ thống quan trắc tự động việc xả thải trên biển và hải đảo của từ 30% đến dưới 50% các đối tượng theo quy định của Luật bảo vệ môi trường 2014 và Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày	1			

TT	Nội dung (ND)/Tiêu chí (TC)/Tiêu chí thành phần (TCTP)	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Chỉ số	Ghi chú
	24/4/2015 của Chính phủ quy định về quản lý chất thải và phế liệu				
-	Kiểm tra, đánh giá hoạt động hệ thống quan trắc tự động việc xả thải trên biển và hải đảo của dưới 30% các đối tượng theo quy định của Luật bảo vệ môi trường 2014 và Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ quy định về quản lý chất thải và phế liệu	0			
ND 5	PHÒNG NGỪA, PHÁT HIỆN, XỬ LÝ, KHẮC PHỤC TÌNH TRẠNG Ô NHIỄM VÀ SUY THOÁI MÔI TRƯỜNG, CÁC HỆ SINH THÁI BIỂN, HẢI ĐẢO; CẢI THIỆN VÀ PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG, CÁC HỆ SINH THÁI BIỂN VÀ HẢI ĐẢO BỊ Ô NHIỄM VÀ SUY THOÁI	30	25	83,3%	Khá
TC 5.1	Kế hoạch phòng ngừa ô nhiễm, suy thoái môi trường, các hệ sinh thái biển và hải đảo	3	3		
-	Có kế hoạch phòng ngừa ô nhiễm, suy thoái môi trường, các hệ sinh thái biển và hải đảo	3	3		
-	Không có kế hoạch phòng ngừa ô nhiễm, suy thoái môi trường, các hệ sinh thái biển và hải đảo	0			
TC 5.2	Phát hiện, xử lý, khắc phục tình trạng ô nhiễm, suy thoái môi trường, các hệ sinh thái biển và hải đảo	19	14		
TCTP 5.2.1	Phát hiện tình trạng ô nhiễm, suy thoái môi trường, các hệ sinh thái biển và hải đảo	8	8		
-	Hàng năm đã rà soát, xác định tình trạng ô nhiễm, suy thoái môi trường, các hệ sinh thái của từ 80% đến 100% các khu vực biển và hải đảo thuộc phạm vi, lĩnh vực quản lý	8	8		
-	Hàng năm đã rà soát, xác định tình trạng ô nhiễm, suy thoái môi trường, các	6			

TT	Nội dung (ND)/Tiêu chí (TC)/Tiêu chí thành phần (TCTP)	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Chỉ số	Ghi chú
	hệ sinh thái của từ 50% đến dưới 80% các khu vực biển và hải đảo thuộc phạm vi, lĩnh vực quản lý				
-	Hàng năm đã rà soát, xác định tình trạng ô nhiễm, suy thoái môi trường, các hệ sinh thái của từ 30% đến dưới 50% các khu vực biển và hải đảo thuộc phạm vi, lĩnh vực quản lý	4			
-	Hàng năm đã rà soát, xác định tình trạng ô nhiễm, suy thoái môi trường, các hệ sinh thái của dưới 30% các khu vực biển và hải đảo thuộc phạm vi, lĩnh vực quản lý	0			
TCTP 5.2.2	Xây dựng kế hoạch xử lý, khắc phục tình trạng ô nhiễm, suy thoái môi trường, các hệ sinh thái biển và hải đảo	1	1		
-	Có kế hoạch xử lý, khắc phục tình trạng ô nhiễm và suy thoái môi trường, các hệ sinh thái biển và hải đảo đã được phát hiện	1	1		
-	Không có kế hoạch xử lý, khắc phục tình trạng ô nhiễm và suy thoái môi trường, các hệ sinh thái biển và hải đảo đã được phát hiện	0			
TCTP 5.2.3	Xử lý, khắc phục ô nhiễm, suy thoái môi trường, các hệ sinh thái biển và hải đảo	10	5		
-	Đã xử lý, khắc phục đạt từ 80% đến 100% tình trạng ô nhiễm, suy thoái môi trường, các hệ sinh thái biển và hải đảo theo kế hoạch	10			
-	Đã xử lý, khắc phục đạt từ 50% đến dưới 80% tình trạng ô nhiễm, suy thoái môi trường, các hệ sinh thái biển và hải đảo theo kế hoạch	5	5		
-	Đã xử lý, khắc phục đạt dưới 50% tình trạng ô nhiễm, suy thoái môi trường, các hệ sinh thái biển và hải đảo theo kế hoạch	0			
TC 5.3	Cải thiện và phục hồi môi trường, các hệ sinh thái biển và hải đảo bị ô	8	8		

TT	Nội dung (ND)/Tiêu chí (TC)/Tiêu chí thành phần (TCTP)	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Chỉ số	Ghi chú
	nhiễm và suy thoái				
TCTP 5.3.1	Xây dựng kế hoạch cải thiện, phục hồi môi trường, các hệ sinh thái biển và hải đảo bị ô nhiễm và suy thoái	1	1		
-	Có kế hoạch cải thiện và phục hồi môi trường, các hệ sinh thái biển và hải đảo bị ô nhiễm và suy thoái	1	1		
-	Không có kế hoạch cải thiện và phục hồi môi trường, các hệ sinh thái biển và hải đảo bị ô nhiễm và suy thoái	0			
TCTP 5.3.2	Thực hiện kế hoạch cải thiện và phục hồi môi trường, các hệ sinh thái biển và hải đảo bị ô nhiễm và suy thoái	7	7		
-	Tổ chức thực hiện đạt từ 80% đến 100% kế hoạch cải thiện và phục hồi môi trường, các hệ sinh thái biển và hải đảo bị ô nhiễm và suy thoái	7	7		
-	Tổ chức thực hiện đạt từ 50% đến dưới 80% kế hoạch cải thiện và phục hồi môi trường, các hệ sinh thái biển và hải đảo bị ô nhiễm và suy thoái	4			
-	Tổ chức thực hiện đạt dưới 50% kế hoạch cải thiện và phục hồi môi trường, các hệ sinh thái biển và hải đảo bị ô nhiễm và suy thoái	0			
ND 6	ỨNG PHÓ, KHẮC PHỤC SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG BIỂN	12	11	91,6%	Tốt
TC 6.1	Chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường biển	3	3		
TCTP 6.1.1	Kế hoạch ứng phó sự cố môi trường biển	1	1		
-	Đã có kế hoạch ứng phó sự cố môi trường biển theo quy định của pháp luật	1	1		
-	Không có kế hoạch ứng phó sự cố môi trường biển theo quy định của pháp luật	0			
TCTP 6.1.2	Kế hoạch ứng phó sự cố môi trường biển của cơ sở, tổ chức, cá nhân	2	2		

TT	Nội dung (ND)/Tiêu chí (TC)/Tiêu chí thành phần (TCTP)	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Chỉ số	Ghi chú
-	Từ 80% đến 100% cơ sở có kế hoạch ứng phó sự cố môi trường biển được phê duyệt theo thẩm quyền	2	2		
-	Từ 50% đến dưới 80% cơ sở có kế hoạch ứng phó sự cố môi trường biển được phê duyệt theo thẩm quyền	1			
-	Dưới 50% cơ sở có kế hoạch ứng phó sự cố môi trường biển được phê duyệt theo thẩm quyền	0			
TC 6.2	Phát hiện, ứng phó, khắc phục sự cố môi trường biển	7	7		
TCTP 6.2.1	Phát hiện sự cố môi trường biển	1			
-	Đã phát hiện kịp thời sự cố môi trường biển	1			
-	Không phát hiện kịp thời sự cố môi trường biển	0			
TCTP 6.2.2	Ứng phó sự cố môi trường biển	3			
-	Đã kịp thời thực hiện ứng phó các sự cố xảy ra thuộc phạm vi quản lý hoặc tham gia ứng phó các sự cố môi trường biển theo sự huy động của cơ quan có thẩm quyền	3			
-	Không kịp thời thực hiện ứng phó các sự cố xảy ra thuộc phạm vi quản lý hoặc tham gia ứng phó các sự cố môi trường biển theo sự huy động của cơ quan có thẩm quyền	0			
TCTP 6.2.3	Khắc phục khi xảy ra sự cố môi trường biển	3			
-	Đã kịp thời tổ chức thực hiện hoặc tham gia khắc phục sự cố môi trường biển theo quy định của pháp luật	3			
-	Không kịp thời tổ chức thực hiện hoặc tham gia khắc phục sự cố môi trường biển theo quy định của pháp luật	0			

TT	Nội dung (ND)/Tiêu chí (TC)/Tiêu chí thành phần (TCTP)	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Chỉ số	Ghi chú
TC 6.3	Kiểm tra, giám sát tổ chức thực hiện kế hoạch ứng phó sự cố môi trường biển	2	1		
-	Kiểm tra, giám sát tổ chức thực hiện kế hoạch ứng phó sự cố môi trường biển được từ 80% đến 100% các đối tượng phải lập kế hoạch	2			
-	Kiểm tra, giám sát tổ chức thực hiện kế hoạch ứng phó sự cố môi trường biển được từ 50% đến dưới 80% các đối tượng phải lập kế hoạch	1	1		
-	Kiểm tra, giám sát tổ chức thực hiện kế hoạch ứng phó sự cố môi trường biển được dưới 50% các đối tượng phải lập kế hoạch	0			
ND 7	TUYÊN TRUYỀN, PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC NÂNG CAO NHẬN THỨC PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG BIỂN VÀ HẢI ĐẢO	8	8	100%	Tốt
TC 7.1	Kế hoạch tuyên truyền, phổ biến, giáo dục nâng cao nhận thức pháp luật về bảo vệ môi trường biển và hải đảo	1	1		
-	Có kế hoạch hoặc có nội dung tuyên truyền, phổ biến, giáo dục nâng cao nhận thức pháp luật về bảo vệ môi trường biển và hải đảo lồng ghép trong kế hoạch tuyên truyền, phổ biến, giáo dục thuộc lĩnh vực, chuyên ngành của cơ quan	1	1		
-	Không có kế hoạch hoặc không có nội dung tuyên truyền, phổ biến, giáo dục nâng cao nhận thức pháp luật về bảo vệ môi trường biển và hải đảo lồng ghép trong kế hoạch tuyên truyền, phổ biến, giáo dục thuộc lĩnh vực, chuyên ngành của cơ quan	0			
TC 7.2	Kết quả thực hiện các hoạt động tuyên truyền, phổ biến, giáo dục nâng cao nhận thức pháp luật về bảo vệ môi trường biển và hải đảo	5	5		
-	Tổ chức thực hiện đạt từ 80% đến 100% kế hoạch tuyên truyền, phổ biến,	5	5		

TT	Nội dung (ND)/Tiêu chí (TC)/Tiêu chí thành phần (TCTP)	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Chỉ số	Ghi chú
	giáo dục nâng cao nhận thức pháp luật về bảo vệ môi trường biển và hải đảo				
-	Tổ chức thực hiện đạt từ 50% đến dưới 80% kế hoạch tuyên truyền, phổ biến, giáo dục nâng cao nhận thức pháp luật về bảo vệ môi trường biển và hải đảo	4			
-	Tổ chức thực hiện đạt từ 30% đến dưới 50% kế hoạch tuyên truyền, phổ biến, giáo dục nâng cao nhận thức pháp luật về bảo vệ môi trường biển và hải đảo	2			
-	Tổ chức thực hiện đạt dưới 30% kế hoạch tuyên truyền, phổ biến, giáo dục nâng cao nhận thức pháp luật về bảo vệ môi trường biển và hải đảo	0			
TC 7.3	Hình thức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục nâng cao nhận thức pháp luật về bảo vệ môi trường biển và hải đảo	2	2		
-	Hình thức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục đa dạng phong phú	2	2		
-	Không có nhiều hình thức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục đa dạng, phong phú	0			
ND 8	THANH TRA, KIỂM TRA VIỆC CHẤP HÀNH PHÁP LUẬT VỀ TÀI NGUYÊN, MÔI TRƯỜNG BIỂN VÀ HẢI ĐẢO, GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI TỔ CÁO	10	10	100%	Tốt
TC 8.1	Thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về tài nguyên, môi trường biển và hải đảo	7	7		
TCTP 8.1.1	Xây dựng kế hoạch thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về tài nguyên, môi trường biển và hải đảo	1	1		
-	Có kế hoạch thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về tài nguyên, môi trường biển và hải đảo	1	1		

TT	Nội dung (ND)/Tiêu chí (TC)/Tiêu chí thành phần (TCTP)	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Chỉ số	Ghi chú
-	Không có kế hoạch thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về tài nguyên, môi trường biển và hải đảo	0			
TCTP 8.1.2	Thực hiện kế hoạch thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về tài nguyên, môi trường biển và hải đảo	2	2		
-	Tổ chức thực hiện đạt từ 80% đến 100% kế hoạch	2	2		
-	Tổ chức thực hiện đạt từ 50% đến dưới 80% kế hoạch	1			
-	Tổ chức thực hiện đạt dưới 50% kế hoạch	0			
TCTP 8.1.3	Xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về tài nguyên, môi trường biển và hải đảo qua thanh tra, kiểm tra	3	3		
-	Đã xử lý hoặc kiến nghị xử lý đạt 100% các hành vi vi phạm pháp luật được phát hiện qua thanh tra, kiểm tra	3	3		
-	Đã xử lý hoặc kiến nghị xử lý đạt từ 80% đến dưới 100% các hành vi vi phạm pháp luật được phát hiện qua thanh tra, kiểm tra	2			
-	Đã xử lý hoặc kiến nghị xử lý đạt từ 50% đến dưới 80% các hành vi vi phạm pháp luật được phát hiện qua thanh tra, kiểm tra	1			
-	Đã xử lý hoặc kiến nghị xử lý đạt dưới 50% các hành vi vi phạm pháp luật được phát hiện qua thanh tra, kiểm tra	0			
TCTP 8.1.4	Kiểm tra việc thực hiện các kết luận thanh tra	1	1		
-	Đã tổ chức kiểm tra việc thực hiện các kết luận thanh tra đối với các đối tượng vi phạm pháp luật về tài nguyên, môi trường biển và hải đảo	1	1		
-	Không tổ chức kiểm tra việc thực hiện các kết luận thanh tra đối với các đối tượng vi phạm pháp luật về tài nguyên, môi trường biển và hải đảo	0			

TT	Nội dung (ND)/Tiêu chí (TC)/Tiêu chí thành phần (TCTP)	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Chỉ số	Ghi chú
TC 8.2	Giải quyết khiếu nại, tố cáo về tài nguyên, môi trường biển và hải đảo	3	3		
-	Đã giải quyết được 100% số vụ việc khiếu nại, tố cáo về tài nguyên, môi trường biển và hải đảo theo thẩm quyền, đúng trình tự quy định của pháp luật	3			
-	Đã giải quyết được từ 80% đến dưới 100% số vụ việc khiếu nại, tố cáo về tài nguyên, môi trường biển và hải đảo theo thẩm quyền, đúng trình tự quy định của pháp luật	2	2		
-	Đã giải quyết được từ 50% đến dưới 80% số vụ việc khiếu nại, tố cáo về tài nguyên, môi trường biển và hải đảo theo thẩm quyền, đúng trình tự quy định của pháp luật	1			
-	Đã giải quyết được dưới 50% số vụ việc khiếu nại, tố cáo về tài nguyên, môi trường biển và hải đảo theo thẩm quyền, đúng trình tự quy định của pháp luật	0			

Phụ lục III
DANH MỤC CÁC TÀI LIỆU CHỨNG MINH KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC ĐỐI VỚI CÁC NỘI DUNG KIỂM SOÁT
Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG BIỂN VÀ HẢI ĐẢO NĂM 2021 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH ĐỊNH
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định)

STT	Tên tài liệu	Tiêu chí được tài liệu chứng minh
1	Quyết định số 465/QĐ-UBND ngày 17/02/2020 của UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động số 22-CTr/TU ngày 29/7/2019 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22/10/2018 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045	Tiêu chí 1.1.1, 5.3.1
2	Quyết định số 230/QĐ-STNMT ngày 31/3/2021 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường về việc ban hành Chương trình công tác năm 2021	Tiêu chí 1.1.1, 3.1.1, 3.2.1, 4.1
3	Báo cáo số 204/BC-STNMT ngày 16/11/2021 của Sở Tài nguyên và Môi trường về tình hình thực hiện nhiệm vụ năm 2021, nhiệm vụ trọng tâm năm 2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường	Tiêu chí 1.1.2
4	Báo cáo số 09/BC-UBND ngày 19/01/2022 của UBND tỉnh về công tác bảo vệ môi trường tỉnh Bình Định năm 2021	Tiêu chí 1.1.2, 5.2.3
5	Báo cáo số 15/BC-UBND ngày 11/02/2022 của UBND tỉnh về tình hình quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển và hải đảo năm 2021 tỉnh Bình Định	Tiêu chí 1.1.2, 3.1.2, 3.1.3, 3.2.1, 3.2.2, 4.2, 4.3, 4.4, 4.5, 5.2.1, 5.3.2, 6.2
6	Báo cáo số 229/BC-STNMT ngày 01/12/2021 của Sở Tài nguyên và Môi trường về kiểm điểm việc chỉ đạo, điều hành thực hiện nhiệm vụ năm 2021 và nhiệm vụ trọng tâm năm 2022	Tiêu chí 1.2.1, 1.2.2
7	- Kế hoạch số 03/KH-STNMT ngày 27/01/2021 của Sở Tài nguyên và Môi trường về kiểm tra,	Tiêu chí 2.1

STT	Tên tài liệu	Tiêu chí được tài liệu chứng minh
	rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật năm 2021 của Sở Tài nguyên và Môi trường; - Quyết định số 149/QĐ-UBND ngày 14/01/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh công bố Danh mục văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND tỉnh hết hiệu lực toàn bộ và hết hiệu lực một phần năm 2021.	
8	Báo cáo số 239/BC-STNMT ngày 13/12/2021 của Sở Tài nguyên và Môi trường về kết quả tự kiểm tra, xử lý, rà soát văn bản quy phạm pháp luật do HĐND tỉnh, UBND tỉnh ban hành năm 2021 trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường	Tiêu chí 2.1, 2.2
9	Kế hoạch số 04/KH-STNMT ngày 27/01/2021 của Sở Tài nguyên và Môi trường về theo dõi tình hình thi hành pháp luật năm 2021 của Sở Tài nguyên và Môi trường	Tiêu chí 2.3
10	- Quyết định số 105/QĐ-STNMT ngày 08/02/2021 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường phê duyệt Kế hoạch thanh tra, kiểm tra năm 2021; - Quyết định số 681/QĐ-STNMT ngày 15/9/2021 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường về việc điều chỉnh Kế hoạch thanh tra, kiểm tra năm 2021 của Sở Tài nguyên và Môi trường; - Quyết định số 887/QĐ-STNMT ngày 09/12/2021 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường về việc điều chỉnh Kế hoạch thanh tra, kiểm tra năm 2021 (lần 2).	Tiêu chí 2.3, 8.1.1
11	Báo cáo số 215/BC-STNMT ngày 24/11/2021 của Sở Tài nguyên và Môi trường về công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật năm 2021 tại Sở Tài nguyên và Môi trường	Tiêu chí 2.3
12	Văn bản số 22/CCBVMT-THTĐ ngày 11/01/2022 của Chi cục Bảo vệ môi trường về việc cung cấp thông tin phục vụ Báo cáo tình hình quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường năm 2021	Tiêu chí 2.3, 4.6, 8.1.2, 8.1.3
13	Quyết định số 781/QĐ-STNMT ngày 20/10/2021 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường về việc thành lập Đoàn kiểm tra việc chấp hành các quy định về tài nguyên nước của các tổ chức trên địa bàn tỉnh Bình Định.	Tiêu chí 2.3, 8.1.2

STT	Tên tài liệu	Tiêu chí được tài liệu chứng minh
14	Báo cáo số 181/BC-BQL ngày 30/11/2021 của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh về công tác bảo vệ môi trường tại Khu kinh tế Nhơn Hội và các Khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bình Định năm 2021	Tiêu chí 3.1.1, 3.1.2, 3.1.3, 3.2.1, 3.2.2, 4.1, 4.2, 4.3, 4.4, 4.5, 4.8, 5.2.1, 7.2, 7.3
15	Văn bản số 28/CVHHQNh-TT&ATANHH ngày 12/01/2022 của Cảng vụ Hàng hải Quy Nhơn về việc cung cấp thông tin phục vụ Báo cáo tình hình quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển và hải đảo năm 2021	Tiêu chí 3.1.1, 3.1.2, 3.1.3, 6.3
16	Báo cáo tiến độ thực hiện đề tài khoa học và công nghệ tỉnh Bình Định ngày 30/9/2022 của Viện Hải dương học (nhiệm vụ: Nghiên cứu, điều tra kiểm soát nguồn thải trực tiếp gây suy thoái tài nguyên, ô nhiễm môi trường vùng biển ven bờ tỉnh Bình Định)	Tiêu chí 3.1.2, 3.1.3
17	Văn bản số 1860/STNMT-BHD ngày 30/7/2021 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc báo cáo tình hình sử dụng khu vực biển, sử dụng đất có mặt nước ven biển và tình hình xả thải của các dự án ven biển	Tiêu chí 3.1.3
18	Văn bản số 207/UBND-KT ngày 11/02/2022 của UBND tỉnh về việc báo cáo kết quả quan trắc hiện trạng môi trường tỉnh Bình Định năm 2021	Tiêu chí 3.2.1, 3.2.2, 4.2, 4.3, 5.2.1
19	Phiếu kết quả thử nghiệm Quan trắc nước biển ven bờ và trầm tích biển Bình Định năm 2021 của Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường	Tiêu chí 3.2.1, 4.2, 4.4
20	Báo cáo số 1723/BC-TS ngày 31/12/2021 của Chi cục Thủy sản về kết quả thực hiện kế hoạch năm 2021 và nhiệm vụ kế hoạch năm 2022	Tiêu chí 3.2.1, 3.2.2, 4.1, 4.2
21	Báo cáo kết thúc Dự án Nâng cao năng lực của các tổ chức cộng đồng địa phương gắn với giao quyền quản lý, bảo vệ rạn san hô tại vùng biển ven bờ thuộc Vịnh Quy Nhơn của Hiệp hội Thủy	Tiêu chí 4.1, 4.6, 4.7

STT	Tên tài liệu	Tiêu chí được tài liệu chứng minh
	sản Bình Định	
22	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo công việc Phân tích đánh giá các mối đe dọa và ảnh hưởng từ các hoạt động của người dân đến đa dạng sinh học tại đầm Đề Gi năm 2021 của Viện tài nguyên và môi trường - Đại học Quốc gia Hà Nội; - Báo cáo công việc Phân tích đánh giá các tác động của con người đến các hệ sinh thái của đầm Đề Gi năm 2021 của Viện tài nguyên và môi trường - Đại học Quốc gia Hà Nội; - Báo cáo công việc Phân tích đánh giá tác động của quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội đến các hệ sinh thái và đa dạng sinh học tại đầm Đề Gi năm 2021 của Viện tài nguyên và môi trường - Đại học Quốc gia Hà Nội; - Báo cáo công việc Phân tích đánh giá khả năng tổn thương do biến đổi khí hậu đến đa dạng sinh học của đầm Đề Gi năm 2021 của Viện tài nguyên và môi trường - Đại học Quốc gia Hà Nội; - Báo cáo công việc Phân tích đánh giá hiện trạng các hệ sinh thái đặc trưng của đầm Đề Gi năm 2021 của Viện tài nguyên và môi trường - Đại học Quốc gia Hà Nội; - Báo cáo công việc Tổng hợp số liệu, phân tích đánh giá hiện trạng các loài thực vật quý hiếm, có giá trị kinh tế, đặc hữu tại đầm Đề Gi năm 2021 của Viện tài nguyên và môi trường - Đại học Quốc gia Hà Nội; - Báo cáo công việc Tổng hợp số liệu, phân tích đánh giá hiện trạng các loài động vật quý hiếm, có giá trị kinh tế, đặc hữu tại đầm Đề Gi năm 2021 của Viện tài nguyên và môi trường - Đại học Quốc gia Hà Nội; - Báo cáo công việc Tổng hợp số liệu, phân tích đánh giá hiện trạng các loài cá quý hiếm, có giá trị kinh tế, đặc hữu tại đầm Đề Gi năm 2021 của Viện tài nguyên và môi trường - Đại học Quốc gia Hà Nội. 	Tiêu chí 4.6
23	Báo cáo công việc Tổng hợp và phân tích kết quả phiếu điều tra bằng công cụ SWOT nhằm xác	Tiêu chí 4.6, 4.7

STT	Tên tài liệu	Tiêu chí được tài liệu chứng minh
	định được các rủi ro và tiềm năng liên quan đến bảo tồn và phát triển các hệ sinh thái, các nhóm loài quý hiếm, có giá trị kinh tế, đặc hữu năm 2021 của Viện tài nguyên và môi trường - Đại học Quốc gia Hà Nội	
24	<ul style="list-style-type: none"> - Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước (Cấp lại, gia hạn lần 1) số 186/GP-BTNMT ngày 15/10/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc cho phép Ban Quản lý dịch vụ công ích thành phố Quy Nhơn được xả nước thải sau xử lý từ Nhà máy xử lý nước thải Nhơn Bình vào nguồn nước; - Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 66/GP-UBND ngày 25/9/2018 của UBND tỉnh về việc cho phép Ban Quản lý dịch vụ công ích thành phố Quy Nhơn được xả nước thải sau xử lý của Nhà máy xử lý nước thải 2A vào nguồn nước; - Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước (Gia hạn lần 1) số 51/GP-UBND ngày 21/9/2017 của UBND tỉnh về việc cho phép Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Định được xả nước thải sau xử lý của Hệ thống xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp Phú Tài - Long Mỹ vào nguồn nước; - Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 54/GP-UBND ngày 06/10/2017 của UBND tỉnh về việc cho phép Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng Khu kinh tế tỉnh Bình Định được xả nước thải sau xử lý của công trình xử lý nước thải tập trung Khu kinh tế Nhơn Hội (phân kỳ I, giai đoạn I) vào nguồn nước; - Văn bản số 774/UBND-KT ngày 18/02/2022 của UBND tỉnh về việc kết quả tính toán Bộ chỉ số đánh giá kết quả bảo vệ môi trường năm 2021 tỉnh Bình Định; - Văn bản số 298/BQLCI-GS ngày 15/12/2021 của Ban Quản lý dịch vụ công ích thành phố Quy Nhơn về việc báo cáo tổng hợp tình hình xả nước thải vào nguồn nước của nhà máy xử lý nước thải Nhơn Bình, 2A; - Báo cáo số 47/BC-DAGPMB ngày 27/12/2021 của Ban Quản lý dự án và Giải phóng mặt bằng 	Tiêu chí 4.8

STT	Tên tài liệu	Tiêu chí được tài liệu chứng minh
	<p>Khu kinh tế tỉnh Bình Định về việc chấp hành các quy định pháp luật trong quá trình khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước;</p> <p>- Quyết định số 611/QĐ-STNMT ngày 28/12/2018 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường về việc phê duyệt kết quả nhiệm vụ xây dựng hệ thống quản lý dữ liệu quan trắc tự động các nguồn thải.</p>	
25	Quyết định số 570/QĐ-STNMT ngày 25/12/2017 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường về việc phê duyệt kết quả nhiệm vụ: Xây dựng kế hoạch ứng phó sự cố môi trường trên địa bàn tỉnh Bình Định	Tiêu chí 5.1
26	Văn bản số 1153/UBND-KT ngày 08/3/2021 của UBND tỉnh về việc thực hiện xử lý ô nhiễm triệt để đối với các cơ sở gây ô nhiễm môi trường, ô nhiễm môi trường nghiêm trọng trên địa bàn tỉnh	Tiêu chí 5.2.2
27	<p>- Báo cáo số 119/BC-BTNMT ngày 13/12/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về kết quả triển khai Kế hoạch xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng đến năm 2020 theo Quyết định số 1788/QĐ-TTg ngày 01 tháng 10 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ;</p> <p>- Báo cáo số 362/BC-CCBVM ngày 05/7/2021 của Chi cục Bảo vệ môi trường về kết quả kiểm tra phản ánh của Báo Tiền Phong và Báo Tuổi trẻ.</p>	Tiêu chí 5.2.3
28	<p>- Quyết định số 4906/QĐ-UBND ngày 28/12/2017 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch Bảo tồn đa dạng sinh học tỉnh Bình Định đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;</p> <p>- Kế hoạch số 78/KH-UBND ngày 27/12/2018 của UBND tỉnh về thực hiện Phong trào “Chống rác thải nhựa” trên địa bàn tỉnh Bình Định.</p>	Tiêu chí 5.3.1
29	Quyết định số 470/QĐ-UBND ngày 18/02/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Kế hoạch hành động về quản lý rác thải nhựa đại dương đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Bình Định	Tiêu chí 5.3.1, 7.1
30	- Báo cáo số 1724/BC-TS ngày 31/12/2021 của Chi cục Thủy sản về kết quả thực hiện Phong	Tiêu chí 5.3.2

STT	Tên tài liệu	Tiêu chí được tài liệu chứng minh
	<p>trào thi đua “Toàn dân tham gia bảo vệ nguồn lợi thủy sản” năm 2021;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quyết định số 800/QĐ-UBND ngày 08/02/2021 của UBND thành phố Quy Nhơn về công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng thực hiện đồng quản lý trong bảo vệ nguồn lợi thủy sản tại khu vực biển Hòn Nhàn, phường Ghềnh Ráng, thành phố Quy Nhơn; - Quyết định số 806/QĐ-UBND ngày 08/02/2021 của UBND thành phố Quy Nhơn về công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng thực hiện đồng quản lý trong bảo vệ nguồn lợi thủy sản tại khu vực biển Bãi Trước, xã Nhơn Châu, thành phố Quy Nhơn. 	
31	<ul style="list-style-type: none"> - Quyết định số 174/QĐ-UB ngày 26/5/2014 của Chủ tịch Ủy ban Quốc gia Tìm kiếm Cứu nạn phê duyệt Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu; - Văn bản số 3638/UBND-KT ngày 05/6/2020 của UBND tỉnh về việc báo cáo các nội dung điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu tỉnh Bình Định; - Quyết định số 5034/QĐ-UBND ngày 17/12/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất trên địa bàn tỉnh Bình Định (Bản cập nhật năm 2021); - Quyết định số 3405/QĐ-BKHHCN ngày 04/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc phê duyệt Kế hoạch ứng phó sự cố bức xạ và hạt nhân trên địa bàn tỉnh Bình Định. 	Tiêu chí 6.1.1
32	<ul style="list-style-type: none"> - Quyết định số 841/QĐ-UBND ngày 05/4/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt Kế hoạch Ứng phó sự cố tràn dầu Cảng Xăng dầu Quy Nhơn của Công ty Xăng dầu Bình Định; - Quyết định số 1822/QĐ-UBND ngày 10/7/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt Kế hoạch Ứng phó sự cố tràn dầu Cảng Quy Nhơn của Công ty TNHH MTV Cảng Quy Nhơn; - Quyết định số 3364/QĐ-UBND ngày 22/9/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt Kế hoạch Ứng phó sự cố tràn dầu bến phao dầu An Phú thuộc Công ty Cổ phần PETEC Bình Định; - Quyết định số 2928/QĐ-UBND ngày 14/8/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt Kế 	Tiêu chí 6.1.2

STT	Tên tài liệu	Tiêu chí được tài liệu chứng minh
	hoạch Ứng phó sự cố tràn dầu Cảng Thị Nại của Công ty Cổ phần Cảng Thị Nại; - Quyết định số 4125/QĐ-UBND ngày 06/11/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc Phê duyệt Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu Cảng Tân Cảng Miền Trung của Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn.	
33	Văn bản số 20/SKHCN-CN ngày 11/01/2022 của Sở Khoa học và Công nghệ về việc phối hợp cung cấp thông tin phục vụ Báo cáo tình hình quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển và hải đảo năm 2021	Tiêu chí 6.1.2, 6.3
34	- Kế hoạch số 13/KH-STNMT ngày 04/3/2021 của Sở Tài nguyên và Môi trường về công tác phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2021; - Kế hoạch số 10/KH-BQL ngày 16/4/2021 của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh về phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2021.	Tiêu chí 7.1
35	Báo cáo số 198/BC-STNMT ngày 10/11/2021 của Sở Tài nguyên và Môi trường về kết quả thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật tại Sở Tài nguyên và Môi trường năm 2021	Tiêu chí 7.2, 7.3
36	Văn bản số 281/BQL-QLTNMT ngày 10/3/2021 của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh về việc trám lấp, cách ly các giếng khoan khai thác nước dưới đất trái phép trên mặt bằng dự án	Tiêu chí 8.1.1
37	Báo cáo số 199/BC-STNMT ngày 11/11/2021 của Sở Tài nguyên và Môi trường về kết quả công tác thanh tra, kiểm tra; tiếp công dân; giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng năm 2021	Tiêu chí 8.1.2, 8.1.3, 8.2
38	- Quyết định số 811/QĐ-STNMT ngày 01/11/2021 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường về kiểm tra việc quản lý và sử dụng đất đai đối với các dự án dọc tuyến đường Quy Nhơn - Sông Cầu, phường Ghềnh Ráng, thành phố Quy Nhơn; - Báo cáo số 124/BC-STNMT ngày 22/6/2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường về kết quả kiểm tra việc quản lý và sử dụng đất đai của các dự án dọc tuyến đường Quy Nhơn - Sông Cầu,	Tiêu chí 8.1.2

STT	Tên tài liệu	Tiêu chí được tài liệu chứng minh
	phường Ghềnh Ráng, thành phố Quy Nhơn; - Báo cáo số 65/BC-MTMTTN ngày 29/11/2021 của Cục Bảo vệ môi trường miền Trung và Tây Nguyên về kết quả điều tra, đánh giá công tác bảo vệ môi trường của các cảng cá thuộc các tỉnh Bình Định, Phú Yên và Khánh Hòa.	
39	Báo cáo số 207/BC-BQL ngày 31/12/2021 của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh về đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ quản lý tài nguyên và môi trường năm 2021 và phương hướng nhiệm vụ công tác năm 2022	Tiêu chí 8.1.2, 8.1.3
40	Báo cáo số 157/BC-BQL ngày 02/11/2021 của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh về kết quả công tác tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo năm 2021	Tiêu chí 8.2